

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN PHÁT
-----o0o-----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của cơ sở “Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát”

**Địa chỉ: Lô CN6, Khu công nghiệp Thạch Thất- Quốc Oai,
Xã Tây Phương, thành phố Hà Nội**

Hà Nội, năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN PHÁT

-----000-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Của cơ sở “Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát”

Địa chỉ: Lô CN6, Khu công nghiệp Thạch Thất- Quốc Oai,
Xã Tây Phương, thành phố Hà Nội



CHỦ CƠ SỞ

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Vinh

Hà Nội, năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	4
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....	5
CHƯƠNG 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1. Tên chủ cơ sở: Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát.....	6
2. Tên cơ sở: Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Cơ sở.....	7
3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở.....	7
3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở.....	8
3.3. Sản phẩm của Cơ sở.....	13
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở.....	13
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	20
CHƯƠNG 2: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	25
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	25
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	25
CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	28
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	28
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	44
4. Biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại.....	52
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung.....	53
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi cơ sở đi vào vận hành.....	54
7. Các công trình bảo vệ môi trường khác: Không có.....	57
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi: Không có.....	57
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có.....	57
10. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	57
CHƯƠNG 4: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	59



1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	59
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	59
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	59
1.3. Dòng nước thải	59
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	59
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	61
2.1. Nguồn phát sinh khí thải	61
2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa	61
2.3. Dòng khí thải	61
2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	61
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	62
CHƯƠNG 5: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	63
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	63
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	63
3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	65
CHƯƠNG 6: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	66
1. Kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải	66
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	67
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	67
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	67
CHƯƠNG 7: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	68

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
STNMT	:	Sở Tài nguyên và Môi trường
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
CCN	:	Cụm công nghiệp
ND-CP	:	Nghị định- Chính phủ
TTG	:	Thủ tướng
TTR	:	Thanh tra
QĐ	:	Quyết định
CCMT	:	Chi cục môi trường
UBND	:	Ủy ban nhân dân
TT	:	Thông tư
GXN	:	Giấy xác nhận
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
CTNH	:	Chất thải nguy hại
TT	:	Thông tư
TD	:	Thẩm duyệt
QCVN	:	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
CP	:	Cổ phần
TB	:	Thông báo
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
BTCT	:	Bê tông cốt thép

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1 Quy mô công suất sản phẩm.....	13
Bảng 2 Khối lượng nguyên liệu, vật liệu của cơ sở	13
Bảng 3 Nhu cầu hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý nước thải	13
Bảng 4 Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở	14
Bảng 5 Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở	14
Bảng 6 Nhu cầu sử dụng nước theo lý thuyết của cơ sở	16
Bảng 7 Nhu cầu xả thải của cơ sở	17
Bảng 8 Danh mục máy móc thiết bị.....	19
Bảng 9 Các hạng mục công trình của cơ sở	20
Bảng 10 Các hạng mục công trình thu gom thoát nước mưa.....	28
Bảng 11 Khối lượng hệ thống thu gom nước thải.....	32
Bảng 12 Thiết bị, máy móc dùng trong hệ thống XLNT	36
Bảng 13 Thông kê kích thước các bể của công trình xử lý nước thải.....	39
Bảng 14 Danh sách thống kê kích thước các bể của công trình xử lý nước thải	39
Bảng 15 Thông số kỹ thuật của mỗi hệ thống xử lý khí thải	46
Bảng 16 Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải	50
Bảng 17 <i>Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh</i>	52
Bảng 18 <i>Khối lượng CTNH phát sinh</i>	52
Bảng 19 Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	60
Bảng 20 Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải	61
Bảng 21 Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý của cơ sở	63
Bảng 22. Kết quả quan trắc khí thải	65

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1 Hình ảnh vị trí của cơ sở trong Khu công nghiệp	7
Hình 2 Hình ảnh sản phẩm của Công ty	8
Hình 3 Quy trình công nghệ sản xuất nước giải khát chung	8
Hình 4 Sơ đồ công nghệ pha chế siro đầu vào	9
Hình 5 Quy trình sản xuất các sản phẩm lon	10
Hình 6 Sơ đồ công nghệ thổi chai nhựa	11
Hình 7 Quy trình sản xuất các sản phẩm chai	12
Hình 8 Một số quy trình sản xuất	13
Hình 9 Sơ đồ cân bằng nước của công ty	19
Hình 10 Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa	28
Hình 11 Sơ đồ bể tự hoại	33
Hình 12 Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải công suất 20 m ³ /ngày đêm	34
Hình 13 Trạm xử lý nước thải công suất 20 m ³ /ngày đêm	36
Hình 14 Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m ³ /ngày đêm sau khi cải tạo	37
Hình 15 Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	47

CHƯƠNG 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát

- Địa chỉ liên hệ: Đội 7, xóm Me Táo, xã Dương Hòa, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện theo pháp luật của Cơ sở: Ông **Nguyễn Bá Vinh**
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0243.366.8155
- E-mail: tantienphat.ngk@gmail.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0500475957 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 12 năm 2005 (đăng ký lần đầu), đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 08 tháng 11 năm 2022.

2. Tên cơ sở: Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát

- Địa điểm cơ sở: Lô CN6, Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội
- Các loại giấy phép, văn bản có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở:
 - + Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 03/GXN-STNMT-CCBVMТ ngày 07/01/2022 của Sở Tài nguyên và môi trường –UBND thành phố Hà Nội cho dự án: Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát.
 - Quy mô của cơ sở đầu tư: Cơ sở có tổng mức đầu tư: 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám tỷ đồng), thuộc lĩnh vực công nghiệp. Căn cứ tiêu chí phân loại dự án theo Luật Đầu tư công quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Luật đầu tư công số 58/2024/QH15. **Cơ sở thuộc nhóm C.**
 - Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở sản xuất nước giải thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có công suất nhỏ quy định tại số thứ tự 14, Phụ lục II Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
 - Phân nhóm dự án đầu tư: Cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương với đối tượng thuộc danh mục 1 khoản I Phụ lục V Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường do đó **Dự án thuộc nhóm III.**
 - Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 39 và khoản 4, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở “Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát” thuộc đối tượng thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường do Ban Quản lý các khu công nghiệp cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

- Phạm vi đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở: Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát tại Lô CN6, Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội theo công suất tại Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 03/GXN-STNMT-CCBVMТ ngày 07/01/2022 của Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội.



Hình 1 Hình ảnh vị trí của cơ sở trong Khu công nghiệp

- Tọa độ ranh giới của Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 105° , múi chiều 3°):

Tên điểm	X	Y
A	2.324.036,7	565.974,8
B	2.324.057,9	565.972,4
C	2.324.066,2	566.055,9
D	2.323.987,6	566.063,5

- Vị trí tiếp giáp của Cơ sở như sau:

- + Phía Đông giáp với Công ty cổ phần Trảng An.
- + Phía Tây giáp với Công ty cổ phần Công nghệ Hóa Sinh Việt Nam;
- + Phía Bắc giáp Công ty cổ phần Thiên Sơn.
- + Phía Nam giáp đường giao thông khu công nghiệp..

Cách cơ sở về phía Nam khoảng 2km là khu dân cư thị trấn Quốc Oai. Và khoảng cách từ nhà máy đến Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai là 1,2 km về phía Đông.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của Cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở

Công suất của Cơ sở cụ thể như sau:

Chủ cơ sở: Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	Sản phẩm sản xuất	Đơn vị	Sản lượng		
			Năm 2023	Năm 2024	Giấy xác nhận đăng ký KHBVMT số 03/GXN-STNMT-CCBVMT ngày 07/01/2022
1	Các sản phẩm nước giải khát	lít /năm	936.000	936.000	936.000
+	Nước ngọt các loại đóng chai	lít /năm	441.247	461.252	468.000
+	Nước ngọt các loại đóng lon	lít /năm	494.753	474.748	
+	Nước tinh khiết đóng chai	lít /năm	-	-	468.000

Hiện tại, cơ sở không sản xuất nước tinh khiết đóng chai, tập trung chủ yếu các loại nước ngọt giải khát.

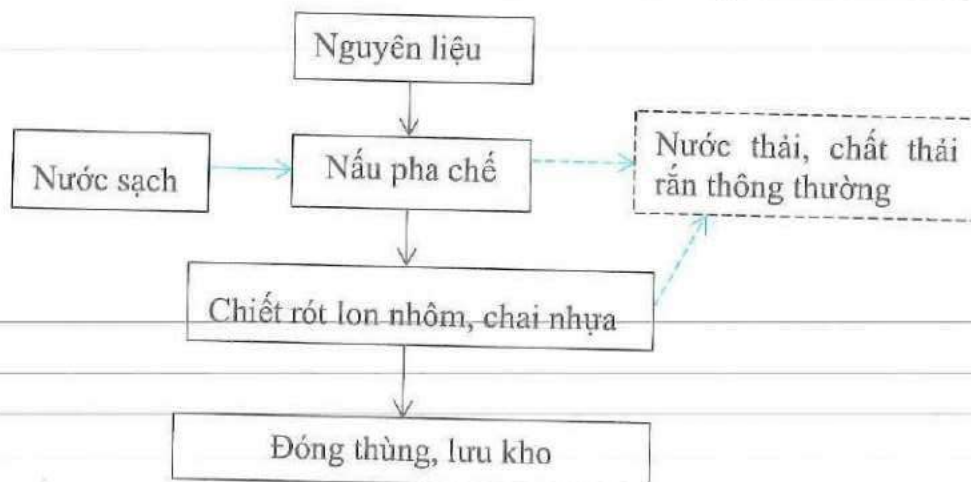
[Nguồn: Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát]



Hình 2 Hình ảnh sản phẩm của Công ty

3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở

❖ Quy trình công nghệ sản xuất nước giải khát chung của cơ sở như sau:

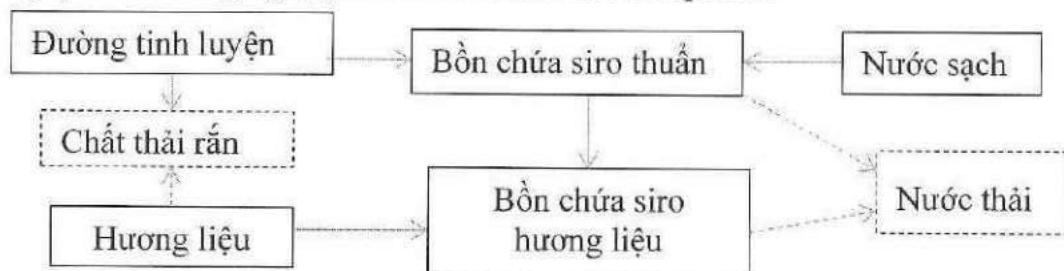


Hình 3 Quy trình công nghệ sản xuất nước giải khát chung

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Nguyên vật liệu nhập kho được xuất sang khu pha chế, tại khu pha chế sẽ cân nguyên vật liệu theo tỷ lệ nấu chung với nước, hỗn hợp nguyên liệu được gia nhiệt đến nhiệt độ thích hợp bổ sung thêm hương liệu, từ đây vận chuyển ra máy chiết rót theo hệ thống ống dẫn nước. Nước thành phẩm sẽ được chiết vào các lon nhôm hoặc chai nhựa, qua dây chuyền đóng lốc, đóng thùng ra thành phẩm hoàn chỉnh được xếp ngay ngắn trên kệ nhựa và được vận chuyển sang kho lưu trữ chờ xuất bán.

❖ Quy trình công nghệ pha chế siro của các sản phẩm:

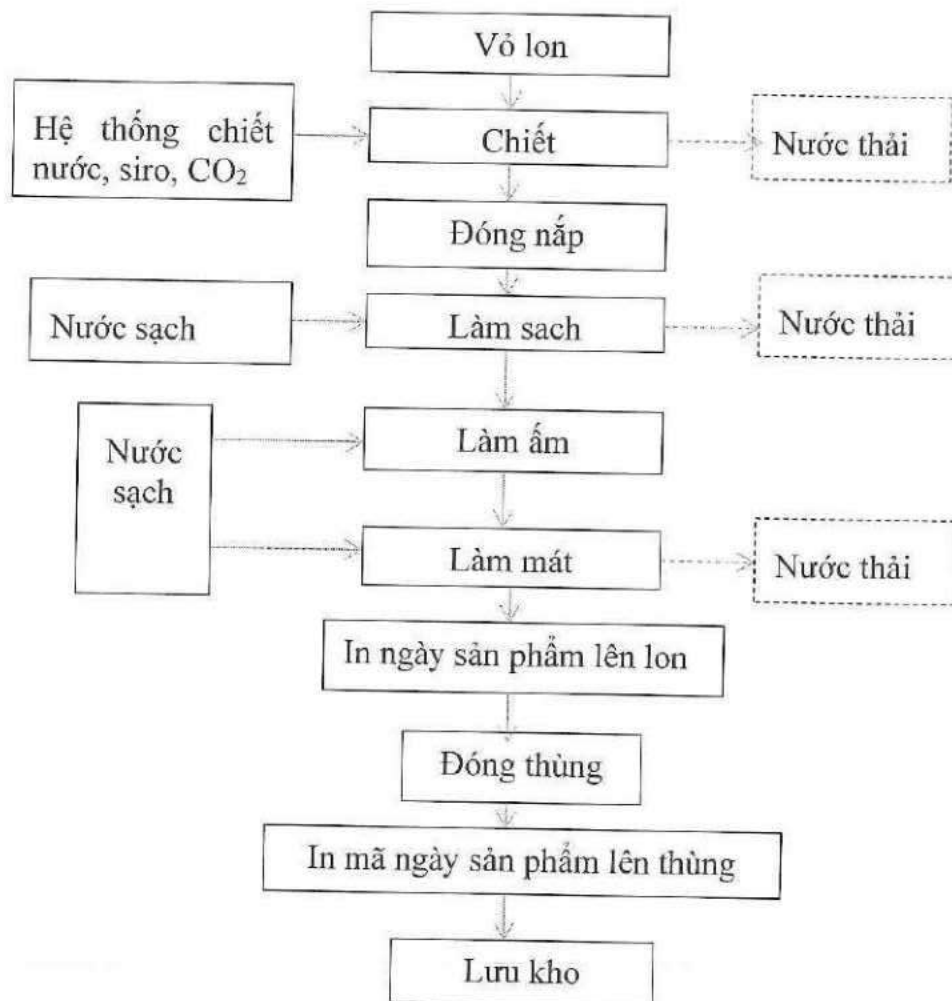


Hình 4 Sơ đồ công nghệ pha chế siro đầu vào

Quy trình này gồm các bước sau đây:

- Đường tinh luyện hoặc đường lỏng HFCS sẽ được pha trộn với nước sạch để tạo siro thuần tại bồn chứa.
- Siro thuần sẽ được pha chế với hương liệu để tạo ra siro hương liệu vào bồn chứa, tùy loại sản phẩm mà tỷ lệ pha trộn và loại hương liệu khác nhau.
- Siro hương liệu sẽ được pha trộn tiếp với nước sạch và CO₂ theo tỷ lệ nhất định để tạo thành nước ngọt có gas chuẩn bị sẵn sàng cho quá trình chiết rót và đóng chai.
- Các công đoạn trên đều được kiểm tra cẩn thận nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu của cơ sở.
- Chất thải phát sinh: Thùng, bao chứa nguyên liệu, nước thải rửa bồn chứa.

❖ Công nghệ sản xuất sản phẩm lon:

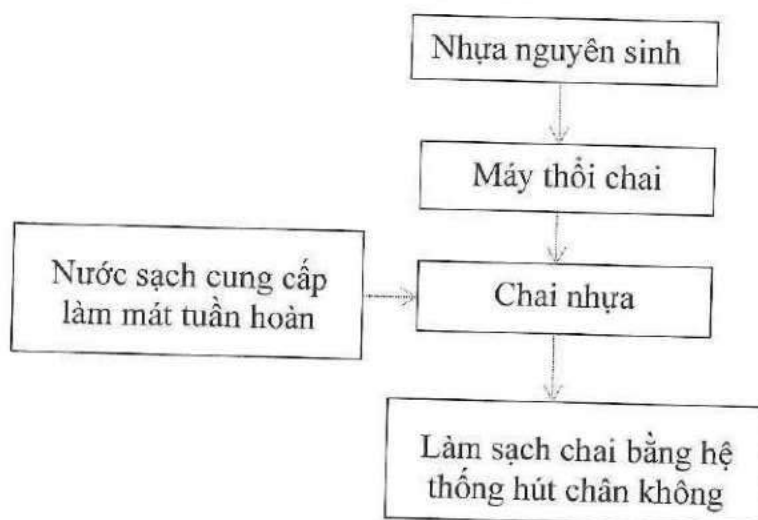


Hình 5 Quy trình sản xuất các sản phẩm lon

Thuyết minh quy trình:

- Bước 1: Chuẩn bị lon
 - + Nguồn cung cấp lon, nắp lon: được cơ sở đặt mua từ các nhà cung cấp trên thị trường Việt Nam và được vận chuyển về nhà máy.
 - + Lon sẽ được tách khỏi bao bì, sau đó đưa vào dây chuyền chiết rót.
- Bước 2: Pha chế siro: theo quy trình tại Hình 4- Quy trình công nghệ pha chế siro đầu vào.
 - + Đường tinh luyện hoặc đường lỏng HFCS sẽ được pha trộn với nước sạch để tạo siro thuần tại bồn chứa.
 - + Siro thuần sẽ được pha chế với hương liệu để tạo ra siro hương liệu vào bồn chứa, tùy loại sản phẩm mà tỷ lệ pha trộn và loại hương liệu khác nhau.
 - + Siro hương liệu sẽ được pha trộn tiếp với nước sạch và CO₂ theo tỷ lệ nhất định để tạo thành nước ngọt có gas chuẩn bị sẵn sàng cho quá trình chiết rót và đóng chai.

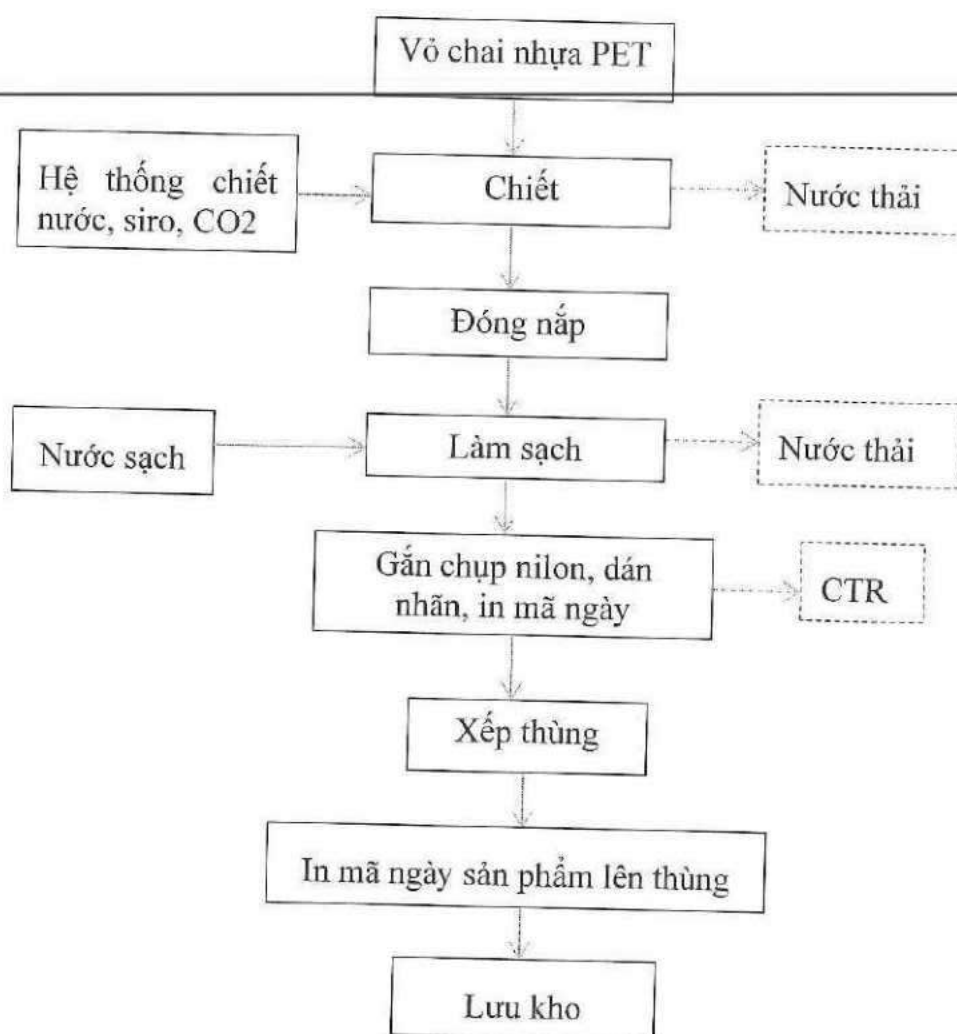
- + Các công đoạn trên đều được kiểm tra cẩn thận nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu của cơ sở.
 - Bước 3: Chiết rót, đóng nắp và hoàn thiện sản phẩm
 - + Lon (đã được chuẩn bị ở bước 1) sẽ được rót đầy nước ngọt (đã được chuẩn bị trong bước 2), sau đó các lon này sẽ được đóng nắp. Tại đây chuyển đó, sản phẩm lon được làm sạch phía đáy lon.
 - + Tiếp theo, các lon này được đưa vào lò hấp làm ấm và làm mát bằng nước để tạo nhiệt độ phù hợp.
 - + Công đoạn tiếp theo là in mã ngày sản xuất, hạn sử dụng lên lon. Sau đó, lon sẽ được đóng vào thùng và cuối cùng được in mã ngày (sản xuất, hạn sử dụng) lên thùng.
 - Bước 4: Lưu kho: các thùng sản phẩm sẽ được chất lên pallet và được xe nâng vận chuyển vào kho để lưu kho và cung cấp cho thị trường.
- ❖ **Công nghệ sản xuất sản phẩm chai nhựa PET nước giải khát:**
- Công đoạn chuẩn bị chai nhựa PET



Hình 6 Sơ đồ công nghệ thổi chai nhựa

Thuyết minh quy trình:

- + Nguồn cung cấp: nhựa nguyên sinh được cơ sở đặt mua từ các nhà cung cấp trên thị trường Việt Nam và vận chuyển về cơ sở.
 - + Đầu tiên, nhựa này sẽ được thổi thành chai nhựa PET nhờ máy thổi chai. Sau đó, chai nhựa sẽ được làm sạch bằng hệ thống hút chân không. Chai nhựa PET sẽ được chuyển sang công đoạn khác.
- Quy trình sản xuất sản phẩm nước giải khát chai nhựa PET.



Hình 7 Quy trình sản xuất các sản phẩm chai

Thuyết minh quy trình:

- Bước 1: Chuẩn bị chai
 - + Chai được cung cấp từ quy trình thổi chai nhựa tại Hình 6.
- Bước 2: Pha chế siro: theo quy trình tại Hình 4- Quy trình công nghệ pha chế siro đầu vào.
 - + Đường tinh luyện hoặc đường lỏng HFCS sẽ được pha trộn với nước sạch để tạo siro thuần tại bồn chứa.
 - + Siro thuần sẽ được pha chế với hương liệu để tạo ra siro hương liệu vào bồn chứa, tùy loại sản phẩm mà tỷ lệ pha trộn và loại hương liệu khác nhau.
 - + Siro hương liệu sẽ được pha trộn tiếp với nước sạch và CO₂ theo tỷ lệ nhất định để tạo thành nước ngọt có gas chuẩn bị sẵn sàng cho quá trình chiết rót và đóng chai.
 - + Các công đoạn trên đều được kiểm tra cẩn thận nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu của cơ sở.
- Bước 3: Chiết rót, đóng nắp và hoàn thiện sản phẩm
 - + Chai (đã được chuẩn bị ở bước 1) sẽ được rót đầy nước ngọt (đã được chuẩn

bị trong bước 2), sau đó các chai này sẽ được đóng nắp.

- + Mực nước ngọt trong chai sẽ được đủ theo yêu cầu của từng sản phẩm.
- + Chai sẽ được chụp nylon, dán nhãn và in ngày sản xuất.
- + Sau đó, chai sẽ được đóng vào thùng và cuối cùng được in mã ngày (sản xuất, hạn sử dụng) lên thùng.

- Bước 4: Lưu kho: các thùng sản phẩm sẽ được chất lên pallet và được xe nâng vận chuyển vào kho để lưu kho và cung cấp cho thị trường.



Hình 8 Một số quy trình sản xuất

3.3. Sản phẩm của Cơ sở

Bảng 1 Quy mô công suất sản phẩm

TT	Sản phẩm sản xuất	Khối lượng (lít sản phẩm/năm)
1	Các sản phẩm nước giải khát	936.000

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở

4.1. Khối lượng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu hóa chất sử dụng

Bảng 2 Khối lượng nguyên liệu, vật liệu của cơ sở

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng của năm 2024
1	Đường	Tấn/năm	110
2	Hương liệu	Tấn/năm	14
3	Phụ gia thực phẩm	Tấn/năm	24
4	Hạt nhựa nguyên sinh	Tấn/năm	45
5	Vỏ lon	Triệu/năm	1,5
6	Bao bì đóng gói	Tấn/năm	600
7	Cùi (cấp nguyên liệu đốt cho lò hơi)	Tấn/năm	1.650

(Nguồn: Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát)

Bảng 3 Nhu cầu hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý nước thải

STT	Hóa chất sử dụng	Liều lượng (kg/tháng)
01	NaOH	30

(Nguồn: Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát)

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cấp điện: Nhà máy sử dụng điện của Công ty điện lực Quốc Oai
- Nhu cầu sử dụng điện: Dựa vào các hóa đơn trong các tháng năm 2024, 2025 bảng sau:

Bảng 4 Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở

Đơn vị	Tháng 11/2024	Tháng 12/2024	Tháng 1/2025	Tháng 2/2025
(kWh/tháng)	167.500	167.800	170.100	123.400
Đơn vị	Tháng 3/2025	Tháng 4/2025	Tháng 5/2025	Trung bình
(kWh/tháng)	122.431	155.000	142.000	148.747

Căn cứ bảng trên nhu cầu sử dụng điện thực tế của cơ sở từ tháng 11/2024 đến tháng 5/2025 trung bình tháng là 148.747 kWh/tháng.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

❖ Theo thực tế

- Nguồn cấp nước: Nguồn nước sử dụng cho cơ sở là nguồn nước sạch được cung cấp bởi Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ địa chất.

- Nhu cầu sử dụng nước: Theo các hóa đơn trong các tháng năm 2024, 2025 nhu cầu sử dụng tại bảng sau:

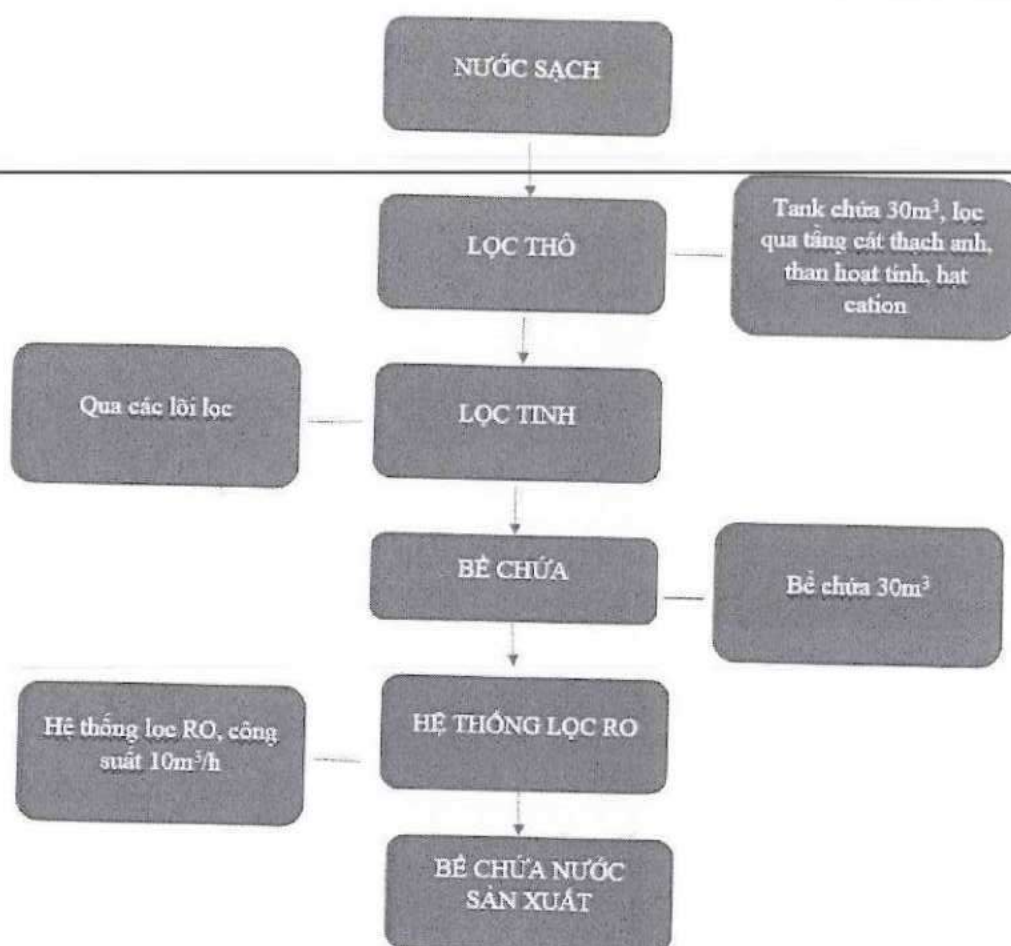
Bảng 5 Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

	Tháng 6/2024	Tháng 7/2024	Tháng 8/2024	Tháng 9/2024	Tháng 10/2024	Tháng 11/2024	Trung bình
m ³ /tháng	1.043	1.320	1.037	1.324	1.495	1.462	
m ³ /ngày	41,7	48,9	38,4	55,2	55,3	56,2	
	Tháng 12/2024	Tháng 1/2025	Tháng 2/2025	Tháng 3/2025	Tháng 4/2025	Tháng 5/2025	1.498
m ³ /tháng	1.666	1.728	1.530	1.837	1.798	1.745	
m ³ /ngày	59,5	69,12	66,5	70,6	71,92	67,1	
							58,4

Từ bảng trên cho thấy nhu cầu sử dụng nước lớn nhất là 71,92 m³/ngày đêm. Tuy nhiên, tại thời điểm tháng 1 đến tháng 5 năm 2025 của cơ sở có sử dụng nước để chạy thử phòng cháy chữa cháy để chuẩn bị nghiệm thu. Nên lượng nước sử dụng có tăng cao hơn so với các tháng trước.

❖ Theo lý thuyết :

- Hệ thống lọc nước RO của cơ sở như sau :



Thuyết minh quy trình:

1. Nước cấp KCN: Nước cấp được bơm từ nước sạch của khu công nghiệp cấp vào nhà máy.
2. Hệ thống lọc thô: Gồm các cột lọc sử dụng vật liệu lọc lần lượt là cột lọc cát sỏi, cột lọc than hoạt tính, cột lọc cation.
3. Hệ thống lọc tinh: sử dụng các lõi lọc tinh để lọc nước.
4. Hệ thống RO: dùng vỏ màng thẩm thấu ngược và màng thẩm thấu ngược để lọc nước.
 - Định kỳ rửa ngược cột lọc cát sỏi, cột lọc than hoạt tính 1 ngày/1 lần với khoảng 2 m³/lần.
 - Nước thải thải bỏ từ hệ thống màng lọc RO là 40%, tuy nhiên lượng nước thải được nhà máy cho quay đầu vào các công đoạn sản xuất khác. Công suất lọc tối đa 10 m³/giờ.



Hình ảnh hệ thống lọc nước RO

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được thống kê trong bảng sau:

Bảng 6 Nhu cầu sử dụng nước theo lý thuyết của cơ sở

STT	Hạng mục	Định mức	Số lượng	Nhu cầu cấp (m ³ /ngày)	Căn cứ
1	Nước cấp sinh hoạt cho cán bộ, công nhân viên	25 lit/người, Hệ số không điều hòa giờ K=3	45	3,375	TCVN 13606:2023
2	Nước cấp cho bếp ăn	25 lít/người	45	1,125	TCVN 4513:1988
3	Nước cấp sinh hoạt cho công nhân ở lại	110 lit/người	10	1,1	TCVN 13606:2023
4	Vệ sinh nhà xưởng sản xuất nước giải khát	1,4 lít/m ²	3.504	4,9	TCVN 13606:2023
5	Nước cấp nồi hơi	-	-	1	Thực tế cấp bổ sung hàng ngày

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

6	Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi	-	-	0,2	Thực tế
7	Nước làm mát của hệ thống chiết rót vào chai	-	-	3	Thực tế cấp bổ sung hàng ngày
8	Nước rửa đáy chai của hệ thống chiết rót vào lon sau khi đóng lon	-	-	2	Thực tế
9	Quá trình làm mát của quy trình sản xuất thổi chai	-	-	0,6	Thực tế cấp bổ sung hàng ngày
10	Quá trình làm mát của hệ thống máy nén khí	-	-	1	Thực tế cấp bổ sung hàng ngày
11	Quá trình làm mát của nồi nấu	-	-	2	Thực tế cấp bổ sung hàng ngày
12	Quá trình làm mát sau hấp của sản phẩm lon (Nhiều nhất 8 mẻ/1 ngày)	3,5	8	28	Thực tế
13	Nước cấp cho cho hệ thống lọc RO ⁽¹⁾	-	-	23	Thực tế
14	Nước cấp cho quá trình rửa thiết bị, máy móc	-	-	3	Thực tế
15	Nước cấp rửa lọc của hệ thống lọc nước sạch	-	-	2	Thực tế
TỔNG CỘNG				76,3	

(Nguồn: TCVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế; TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế)

(1) Nước cấp cho sản xuất nước ngọt với tỷ lệ nước cấp/sản phẩm là 4:1 và tỷ lệ nước sạch thu hồi của RO là 60% lượng cấp nước.

❖ *Nhu cầu xả thải*

Theo thực tế và lý thuyết lượng nước cấp dùng nhiều nhất là cho quá trình làm mát của các công đoạn hấp sản phẩm, dây chuyền thổi chai, làm mát chai quá trình chiết, làm mát nồi nấu... Vì vậy, ta có bảng nhu cầu xả thải của cơ sở như sau:

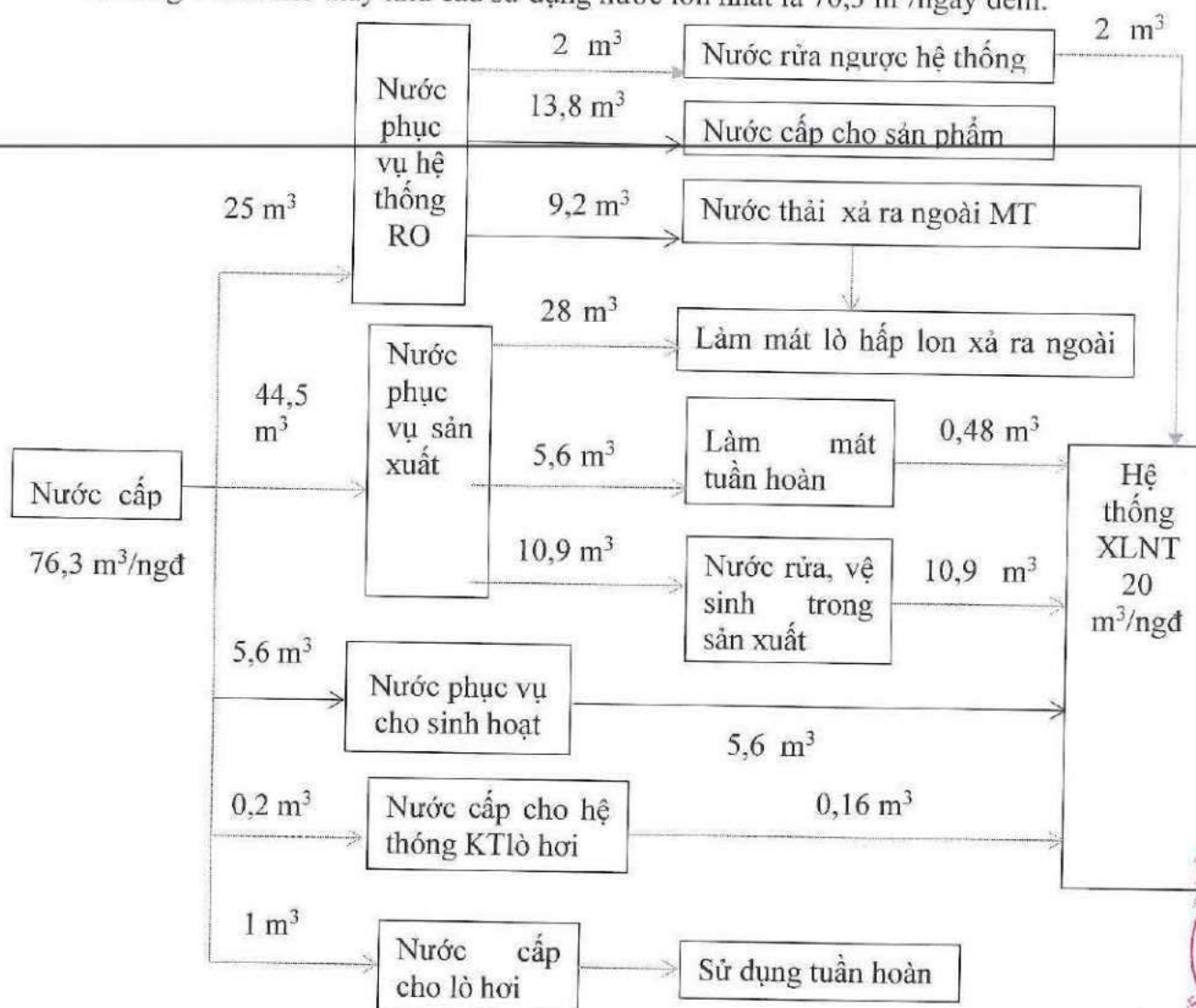
Bảng 7 Nhu cầu xả thải của cơ sở

STT	Hạng mục	Nhu cầu cấp (m ³ /ngày)	Nhu cầu xả thải (m ³ /ngày)	Hệ số quy đổi
1	Nước cấp sinh hoạt cho cán bộ, công nhân viên	3,375	3,375	100% lượng cấp nước

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

2	Nước cấp cho bếp ăn	1,125	1,125	100% lượng cấp nước
3	Nước cấp sinh hoạt cho công nhân ở lại	1,1	1,1	100% lượng cấp nước
4	Vệ sinh nhà xưởng sản xuất nước giải khát	4,9	4,9	100% lượng cấp nước
5	Nước cấp nồi hơi	1	-	Sử dụng tuần hoàn
6	Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi	0,2	0,16	80% lượng cấp nước
7	Nước làm mát của hệ thống chiết rót vào chai	2	-	Sử dụng tuần hoàn
8	Nước rửa đáy chai của hệ thống chiết rót vào lon sau khi đóng lon	3	3	100% lượng cấp nước
9	Quá trình làm mát của quy trình sản xuất thổi chai	0,6	0,48	Sử dụng tuần hoàn, 1 tuần xả 1 lần, 80% lượng cấp nước
10	Quá trình làm mát của hệ thống máy nén khí	1	-	Sử dụng tuần hoàn
11	Quá trình làm mát của nồi nấu	2	-	Sử dụng tuần hoàn
12	Quá trình làm mát sau hấp của sản phẩm lon (6 mẻ/1 ngày)	28	28	100% lượng cấp nước
13	Nước cấp cho cho hệ thống lọc RO ⁽¹⁾	23	0	Tỷ lệ thải bỏ 40% tương đương 9,2 m ³ , tận dụng cho việc làm mát của sản phẩm lon
14	Nước cấp cho quá trình rửa thiết bị, máy móc	3	3	100% lượng cấp nước
15	Nước cấp rửa lọc của hệ thống lọc nước sạch	2	2	100% lượng cấp nước
	TỔNG CỘNG	76,3	47,14	

Từ bảng 7 trên cho thấy nhu cầu sử dụng nước lớn nhất là $76,3 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.



Hình 9 Sơ đồ cân bằng nước của công ty

❖ Nhu cầu phát sinh nước thải thực tế của cơ sở: Lượng nước thải phát sinh lớn nhất là $45 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. (Theo nhật lý lưu lượng nước thải tại phụ lục báo cáo)

4.4. Danh mục máy móc thiết bị

Các máy móc, thiết bị chính phục vụ cho hoạt động sản xuất hiện nay của cơ sở được thống kê cụ thể tại bảng sau.

Bảng 8 Danh mục máy móc thiết bị

STT	TÊN MÁY MÓC, THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	Xe nâng	cái	4
2	Hệ thống lọc nước	hệ thống	1
3	Nồi khuấy nguyên liệu	cái	9

STT	TÊN MÁY MÓC, THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
4	Nồi hấp nhiệt	cái	2
5	Nồi nấu lớn	cái	11
6	Máy tiệt trùng	cái	2
7	Máy chiết rót lon nhôm	cái	2
8	Máy viên ni lon	cái	2
9	Máy chiết rót chai nhựa	cái	3
10	Máy xếp chai	cái	2
11	Máy co màng	cái	4
12	Máy hấp, làm mát	cái	2
13	Máy phóng nhân	cái	3
14	Máy đóng thùng	cái	4
15	Máy in date	cái	5
16	Lò hơi	cái	2
17	Máy thổi phôi chai nhựa	cái	2
18	Máy thổi nắp chai	cái	1
19	Máy thổi chai	cái	4
20	Máy nén khí	cái	2

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

Hiện nay Cơ sở đã được xây dựng hoàn thiện gồm các hạng mục công trình:

Bảng 9 Các hạng mục công trình của cơ sở

TT	Các hạng mục cơ sở	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
I	Hạng mục công trình phục vụ sản xuất	8.149,53			
1	Nhà điều hành	351,92	3 tầng 1 tum	1.148,22	Đã hoàn thành năm 2022

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

2	Nhà xưởng 1 (Khu vực sản xuất nước giải khát)	3.187,52	1	3.119,52	
3	Nhà xưởng 2 (Kho và khu vực sản xuất chai)	4.610,09	1	4.529,49	
II	Hạng mục hạ tầng kỹ thuật	5.058,60			
1	Sân, đường giao thông nội bộ	5.058,60	-	5.058,60	Đã hoàn thành năm 2022
III	Công trình bảo vệ môi trường	86			
1	Kho chứa chất thải rắn thông thường	3	1	3	Đã hoàn thành năm 2022
2	Kho chứa chất thải nguy hại	3	1	3	
3	Hệ thống xử lý nước thải 60 m ³ /ngày đêm	55	-	55	Tuy nhiên cơ sở mới lắp đặt 01 modul 20 m ³ /ngày đêm năm 2022. Dự kiến cải tạo lên hệ thống công suất 60 m ³ /ngày đêm
4	Hệ thống xử lý lò hơi	25	-	25	Đã hoàn thành năm 2022. Tuy nhiên, cơ sở cải tạo lắp đặt thêm hệ thống dập bụi ướt
IV	Công trình phụ trợ	309,29			
1	Nhà để xe máy	28	1	28	Đã hoàn thành năm 2022
2	Nhà bảo vệ	12	1	12	
3	Nhà bếp và nhà ăn ca	269,24	2 tầng 1 tum	665,14	
	Tổng diện tích đất	14.221,60			

5.1. Thông tin hạng mục xây mới, cải tạo

5.1.1. Hệ thống xử lý nước thải

Theo Giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường số 03/GXN-STNMT-CCBVMT ngày 07/01/2022 của Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội phê duyệt, cơ sở xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm (với 03 modul). Tuy nhiên, hiện tại Cơ sở đã xây dựng 01 modul công suất 20 m³/ngày đêm để xử lý các loại nước thải sinh hoạt, nước thải vệ sinh máy móc và sản nhà. Đối với nước thải làm mát được thu gom dẫn về điểm cuối đầu nối cùng nước thải sau xử lý của hệ thống và đầu nối vào KCN Thạch Thất – Quốc Oai. Vì vậy, Cơ sở sẽ bổ sung, cải tạo nâng công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung 20 m³/ngày lên 60 m³/ngày để đảm bảo xử lý các loại nước thải phát sinh của cơ sở đều được xử lý trước đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCN.

a) Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, điện nước trong giai đoạn xây dựng

❖ *Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu*

STT	Tên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng dự kiến
1	Cát	m ³	10
2	Xi măng	Tấn	0,1
3	Bê tông thương phẩm	m ³	30
4	Thép	Tấn	0,2
5	Gạch chỉ	Viên	2.000
6	Chất đông cứng cho sàn bê tông	m ²	30
7	Bạt che	m ²	200
8	Các loại ống nhựa	m	250

Và một số máy móc thiết bị như sau:

TT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy xúc lật	Chiếc	01
2	Máy trộn vữa xi măng	Chiếc	01
3	Ô tô tự đổ 5 tấn	Chiếc	01
4	Máy khoan	Chiếc	01
5	Máy cắt kim loại	Chiếc	02
6	Máy đục	Chiếc	03

❖ *Nhu cầu sử dụng điện*

Nguồn cung cấp điện cho hạng mục hệ thống xử lý nước thải được Công ty điện lực Quốc Oai cung cấp để phục vụ cho hoạt động chiếu sáng và thi công. Dự kiến lượng điện mà cơ sở sử dụng trong giai đoạn này khoảng 5.000 kW/tháng.

❖ *Nhu cầu sử dụng nước*

- Số lượng công nhân dự kiến sử dụng trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị khoảng 5 người

- Thời gian làm việc: 8h/ngày

- Nguồn cung cấp nước sạch trong quá trình thi công xây mới tại cơ sở là nguồn nước đang được cấp cho cơ sở hiện tại Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ địa chất.

- Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn này được sử dụng cho quá trình sinh hoạt của công nhân và quá trình thi công. Nhu cầu sử dụng nước trong quá trình thi công được tính toán như sau:

+ Dự kiến số lượng công nhân lớn nhất có mặt tại công trường thi công là 5

người. Để hạn chế phát sinh nước thải, công nhân không ăn uống tại công trình cũng như ngủ tại đây, do đó định mức sử dụng nước là 25 lít/người và hệ số không điều hòa giờ là 3 (theo TCVN 13606:2023 – Tiêu chuẩn quốc gia cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế). Như vậy nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt lớn nhất là $0,375 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- + Nước sử dụng trong xây dựng: $1 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- + Nước rửa dụng cụ xây dựng, thiết bị: $0,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Như vậy, tổng nhu cầu nước sử dụng lớn nhất trong một ngày là $1,775 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

b) Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng

❖ Nước thải sinh hoạt

- Lưu lượng phát sinh: $0,375 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Thành phần chứa: Chứa các chất TSS, BOD, COD, coliform, amoni.
- Công trình xử lý: Sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu của Công ty. Nước thải nhà vệ sinh sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ để xử lý trước khi đầu nối về KCN.

❖ Nước thải thi công

- Lưu lượng phát sinh: $0,32 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- Thành phần: TSS, dầu mỡ khoáng.
- Công trình xử lý: Nước thải thi công chủ yếu từ quá trình rửa dụng cụ thi công, lượng nước thải này được thu gom vào 02 thùng chứa bằng nhựa dung tích 500 lít để lưu giữ và tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình xây dựng như trộn vữa... và không xả ra ngoài môi trường.

❖ Chất thải rắn sinh hoạt

- + Khối lượng phát sinh: $6,5 \text{ kg/ngày}$.
- + Biện pháp thu gom, phân loại: Công ty sẽ áp dụng các biện pháp lưu giữ như hiện trạng của cơ sở.

❖ Chất thải rắn xây dựng

- + Khối lượng phát sinh: $0,5 \text{ tấn /giai đoạn xây dựng}$ (bao gồm các thành phần gạch vụn, bê tông thừa, đất đào).
- + Biện pháp thu gom, phân loại: Phân loại tại nguồn, các phế liệu như bao bì xi măng, chai lọ, mẫu thép dư thừa thu gom về kho chất thải thông thường của cơ sở. Chất thải còn lại tập kết tại thùng ben chứa vật liệu đổ bỏ và che kín lại để tránh phát tán bụi ra bên ngoài. Đơn vị thi công sẽ thỏa thuận đổ thải với đơn vị chứa bãi đổ thải và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và đổ thải tại bãi chôn lấp chất

thải xây dựng theo quy hoạch của UBND thành phố Hà Nội.

❖ *Chất thải nguy hại*

+ Khối lượng phát sinh: 3 kg/giai đoạn xây dựng chủ yếu là giẻ lau, găng tay dính TPNH.

+ Biện pháp thu gom, phân loại: Công ty sẽ áp dụng các biện pháp lưu giữ như hiện trạng của cơ sở.

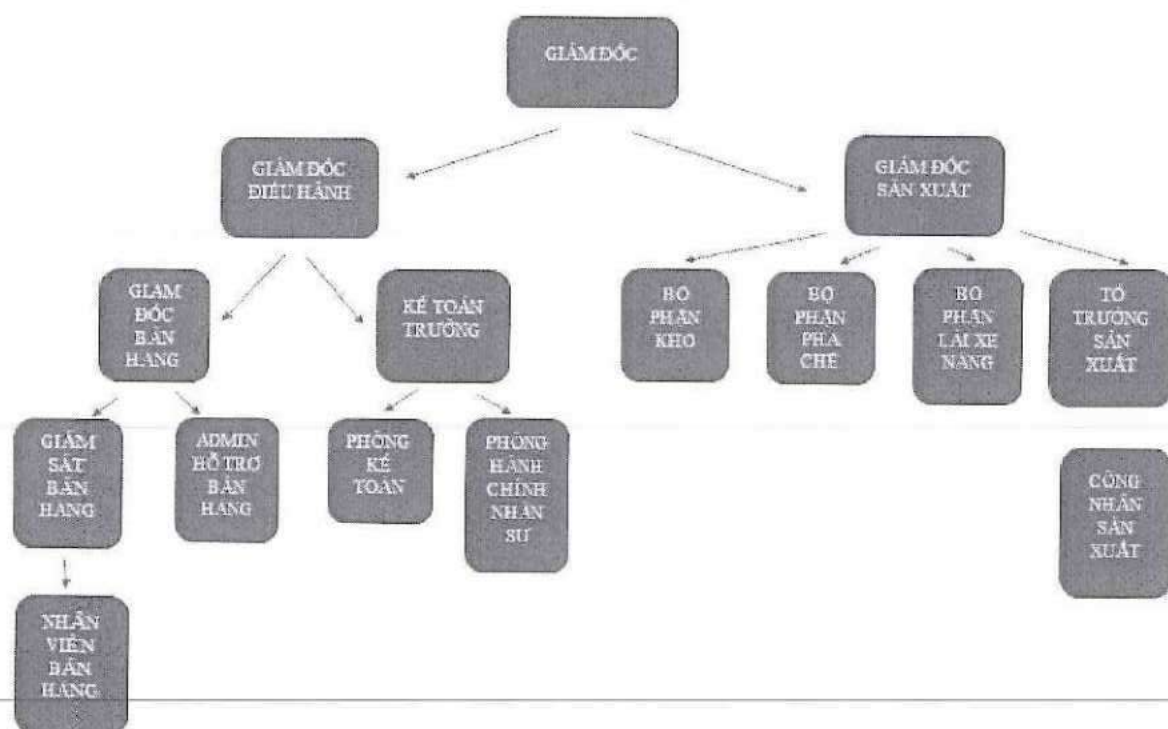
5.1.3. Hệ thống xử lý khí thải

Theo Giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường số 03/GXN-STNMT-CCBVMT ngày 07/01/2022 của Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội phê duyệt, cơ sở lắp đặt, xây dựng 02 hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Cơ sở đã hoàn thiện năm 2022. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng khí thải tốt hơn cơ sở bổ sung thêm 02 hệ thống dập bụi ướt đầu nối vào hệ thống cũ. Việc cải tạo chủ yếu là gia công cơ khí sẵn và mang đến lắp đặt tại cơ sở nên phát sinh chất thải gần như không có.

5.1.4. Tiến độ thực hiện

- Hoàn thiện thủ tục hành chính: tháng 11 /2025
- Giai đoạn thi công xây dựng: tháng 12/2025 – tháng 1/2026
- Giai đoạn vận hành: tháng 2/2026

5.1.5. Cơ cấu tổ chức và nhân lực



Số lượng cán bộ công nhân viên đang làm việc tại nhà máy là 45 người.

Số ca làm việc: 1 ca (8 tiếng).

Số ngày làm việc: 312 ngày/năm.

CHƯƠNG 2: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát của Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát được triển khai tại lô CN6, Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội.

Cơ sở nằm trong khu công nghiệp (KCN) Thạch Thất – Quốc Oai do Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hà Tây làm chủ đầu tư và quản lý hạ tầng khu công nghiệp đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Các loại hình sản xuất được thu hút đầu tư vào KCN là điện tử, máy tính, hàng hóa tiêu dùng, công nghiệp nhẹ,...tỉ lệ lấp đầy của KCN là 100%. Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thực phẩm nên hoàn toàn phù hợp với quy hoạch của KCN.

Cơ sở phù hợp với các quy hoạch phát triển kinh tế, công nghiệp của thành phố theo các quyết định đã được ban hành dưới đây:

- Phù hợp với định hướng phát triển trong Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 25/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc Quy hoạch phát triển công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Phù hợp với định hướng phát triển ngành công nghiệp – xây dựng theo Quyết định số 1823/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng chính phủ về việc quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1081/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng 2030.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Trong giai đoạn hoạt động, Cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất và khí thải.

- Nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở được thu gom và xử lý. Hiện tại, công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải 20 m³/ngày đêm và chuẩn bị cải tạo nâng lên với hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải chung của KCN để tiếp tục xử lý trước khi thải vào môi trường, do vậy nước thải của cơ sở sau xử lý không ảnh hưởng nguồn tiếp nhận.

- Khí thải: Hoạt động sản xuất của Công ty có phát sinh khí thải từ khu vực lò hơi... Cơ sở đã xây dựng các hệ thống xử lý khí thải để xử lý triệt để đảm bảo đạt quy chuẩn do vậy không gây ảnh hưởng tới môi trường không khí xung quanh.

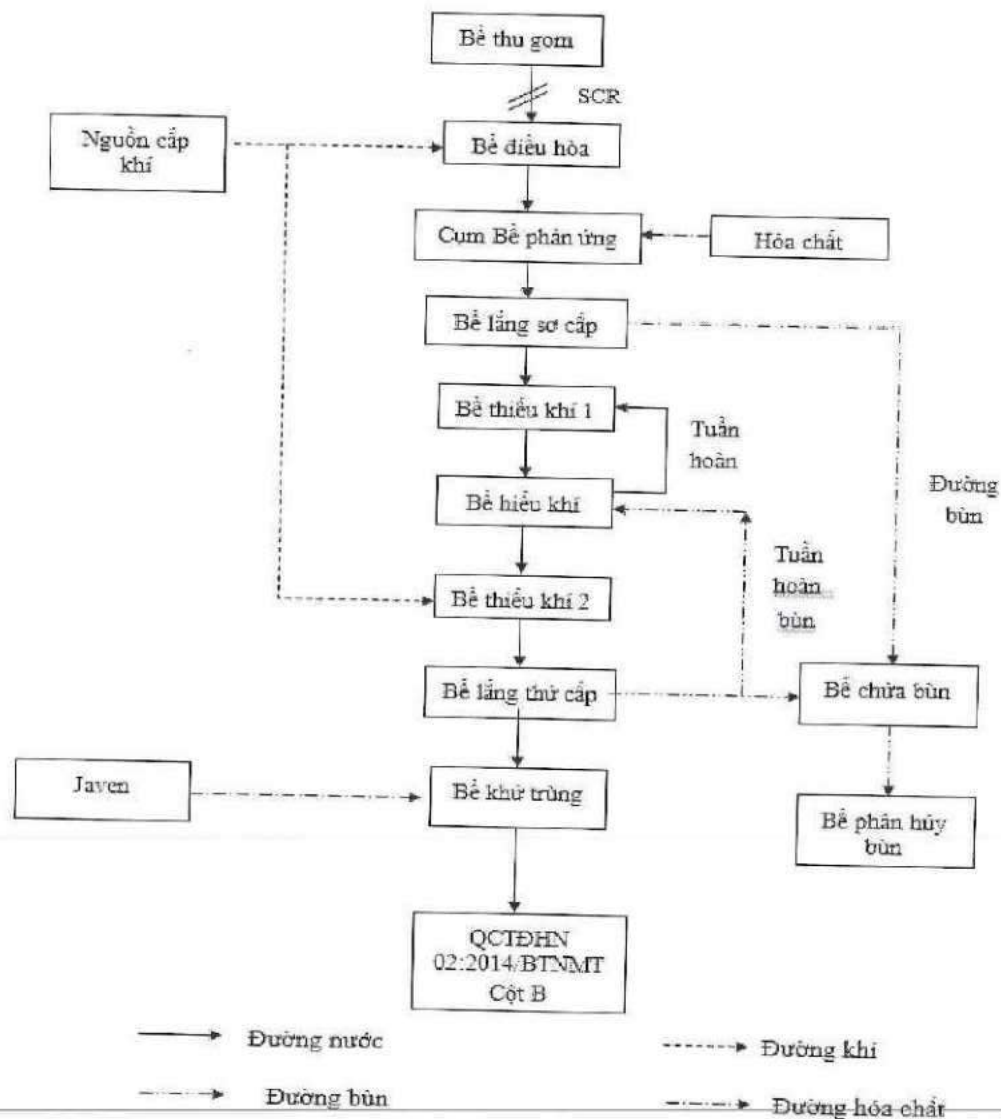
- Chất thải rắn thông thường/CTNH: Toàn bộ chất thải được thu gom vào các kho chứa sau đó thuê đơn vị chức năng tới vận chuyển theo quy định do vậy không gây ảnh hưởng tới môi trường.

Một số thông tin về trạm xử lý nước thải KCN Thạch Thất – Quốc Oai:

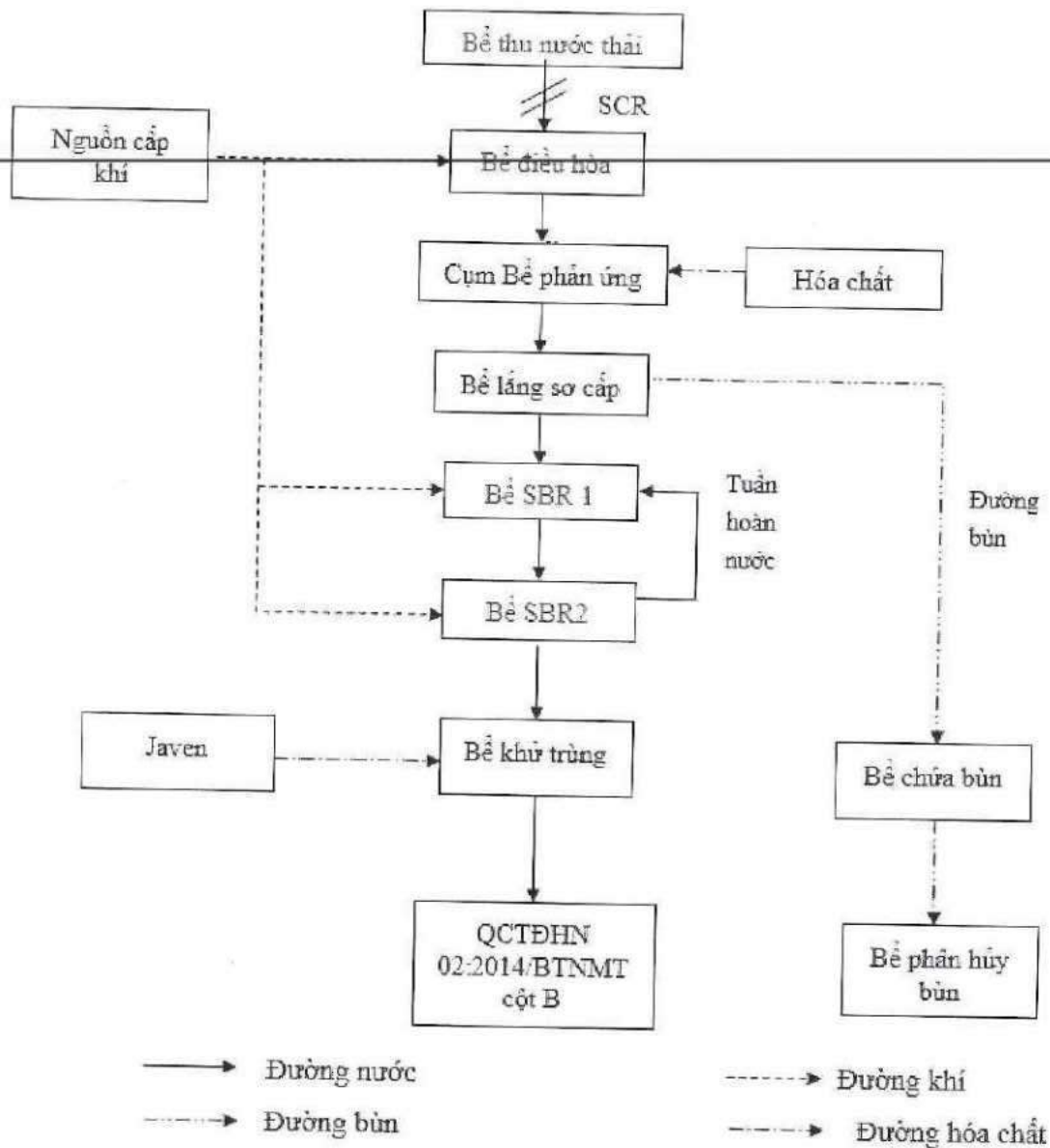
- Công trình Trạm xử lý nước thải của KCN Thạch Thất – Quốc Oai được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 396/QP-UBND cấp ngày 27/09/2019.

- Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai đã được Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội - Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 288/GXN-STNMT-CCBVMT ngày 07/10/2019.

- Công trình xử lý nước thải (XLNT): KCN đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với tổng công suất là 6.000 m³/ngày.đêm trong đó có 1 hệ thống công suất 1.500 m³/ngày.đêm và 1 hệ thống công suất 4.500 m³/ngày.đêm.



Quy trình công nghệ xử lý nước thải công suất 4.500 m³/ngày.đêm



Sơ đồ công nghệ Nhà máy xử lý nước thải 1.500 m³/ngày.đêm

Lưu lượng nước thải được thu gom, xử lý tại Hệ thống XLNT tập trung đạt 80% công suất thiết kế. Vì vậy, nước thải sau xử lý của Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN là hoàn toàn phù hợp với tải trọng xử lý của hệ thống.

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

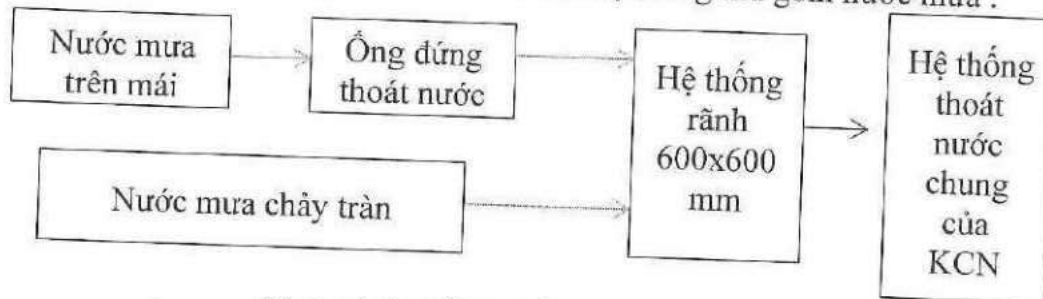
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn

Nước mưa được thu gom từ mái xuống bằng các ống nhựa PVC có đường kính D110 với chiều dài mỗi đường ống dài 10-12m/ống.

Hệ thống thoát nước mưa xung quanh cơ sở là rãnh bê tông có kích thước 600x600m. Phía trên rãnh thoát nước có các tấm đan bằng BTCT để tránh rác thải rắn, lá cây, đất, đá... bị cuốn theo nước mưa có thể làm tắc rãnh thoát nước và độ dốc của rãnh thoát nước là 0,2 – 0,3% không để nước mưa chảy tràn tự do.

Nước mưa tự chảy theo rãnh thu của hệ thống thu gom nước mưa.



Hình 10 Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Thông số kỹ thuật của mạng lưới thu gom, thoát nước mưa được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 10 Các hạng mục công trình thu gom thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Vật liệu	Đơn vị	Số lượng
1	Đường ống thu nước mưa	PVC	m	200
2	Rãnh thoát nước mưa	BTCT	m	650

Ngoài ra, Chủ Dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước mưa, kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời.
- Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải xâm nhập vào đường thoát nước

Phương thức xả thải: Tự chảy

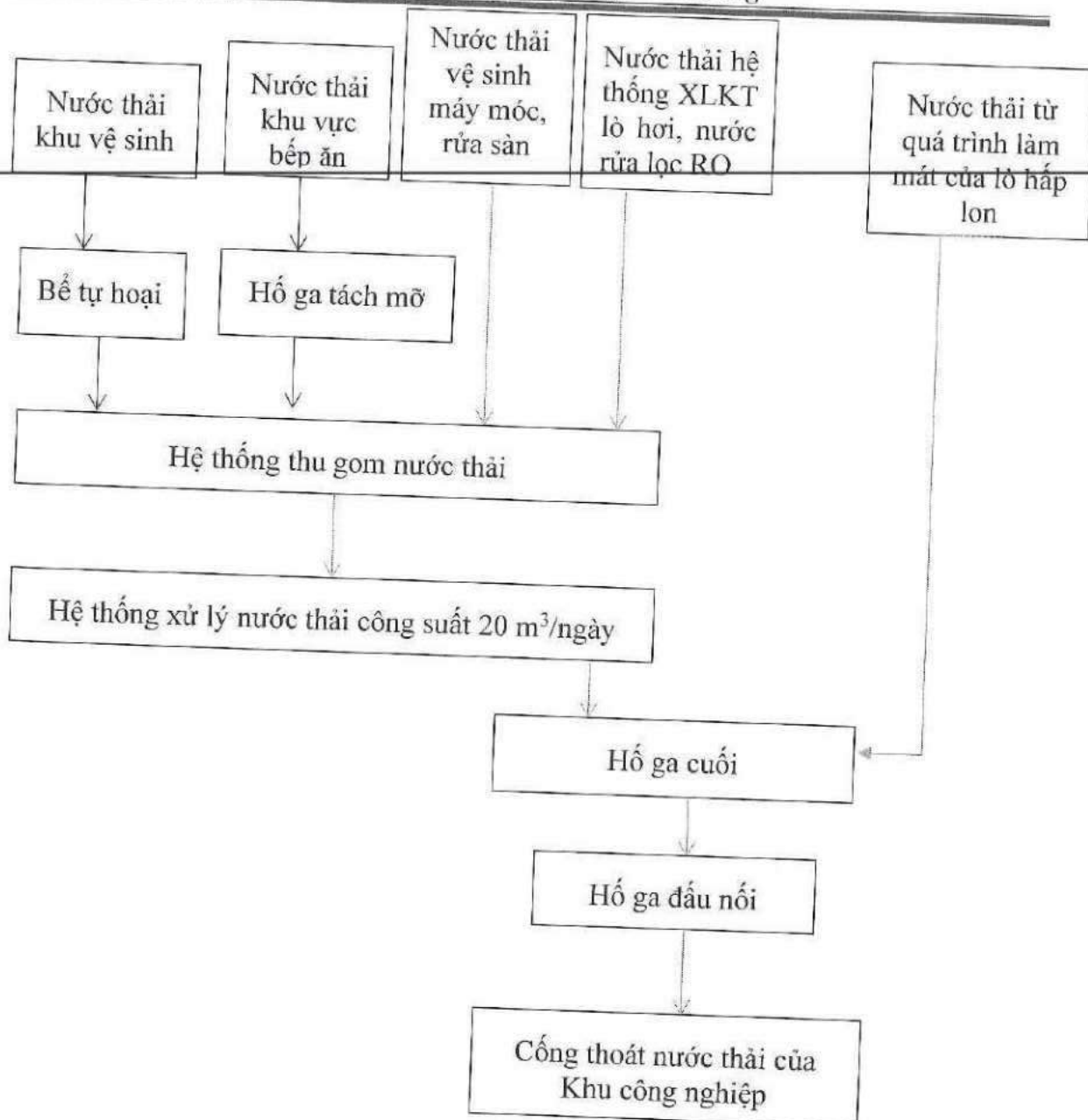
Tọa độ điểm đầu nối (Theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, vĩ độ 3°):

X1= 2 323 897; Y1= 566 073;

X2= 2 323 887; Y2= 566 006;

1.2. Thu gom, thoát nước thải

- ❖ Hệ thống thu gom, xử lý hiện tại của Công ty



• **Đối với nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải nhà bếp

Nước thải nhà bếp đi qua hệ thống song chắn rác để tách các loại rác thải nhà ăn như rau, củ, thực phẩm thừa, loại,... rồi qua hồ ga tách mỡ để dầu mỡ nổi lên trên không cuốn theo nước thải vào trong đường ống thu gom nước thải.

Định kỳ hàng ngày hút các váng dầu nổi lên trên để thu gom theo chất thải sinh hoạt. Rác thải bị ngăn lại trên song chắn rác được thu gom theo chất thải rắn sinh hoạt.

Nước thải sau khi qua hồ ga tách dầu mỡ sẽ chảy vào đường ống D100 thu ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 chảy về trạm xử lý nước thải tập trung của công suất 20 m³/ngày đêm.

- Nước thải vệ sinh

Nước thải từ các chậu rửa, nước thoát sản thu về ống thoát nước rửa sau đó dẫn ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 và chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải từ các bể xí tiểu khu vực nhà vệ sinh được thu gom vào 02 bể tự hoại 3 ngăn (Khu nhà điều hành và khu bếp kết hợp khu vực nghỉ ngơi của công nhân. Dung tích 8 m^3 bằng hệ thống đường ống PCV 110 thu ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- **Đối với nước thải sản xuất:**

- Nước thải vệ sinh nhà xưởng, rửa máy móc.

Cuối ca làm việc, Công nhân sẽ vệ sinh nhà xưởng (khu vực sản xuất nước giải khát) thu gom các rãnh nhỏ kích thước $200 \times 200 \text{ mm}$ trong xưởng và chảy ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Ngoài ra, công nhân sẽ vệ sinh máy móc, nồi nấu...nước thải sẽ được thu gom ra hố ga nước thải, tiếp theo chảy ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, hàng ngày nước thải từ hệ thống dập bụi lò hơi sẽ được thu gom chảy ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

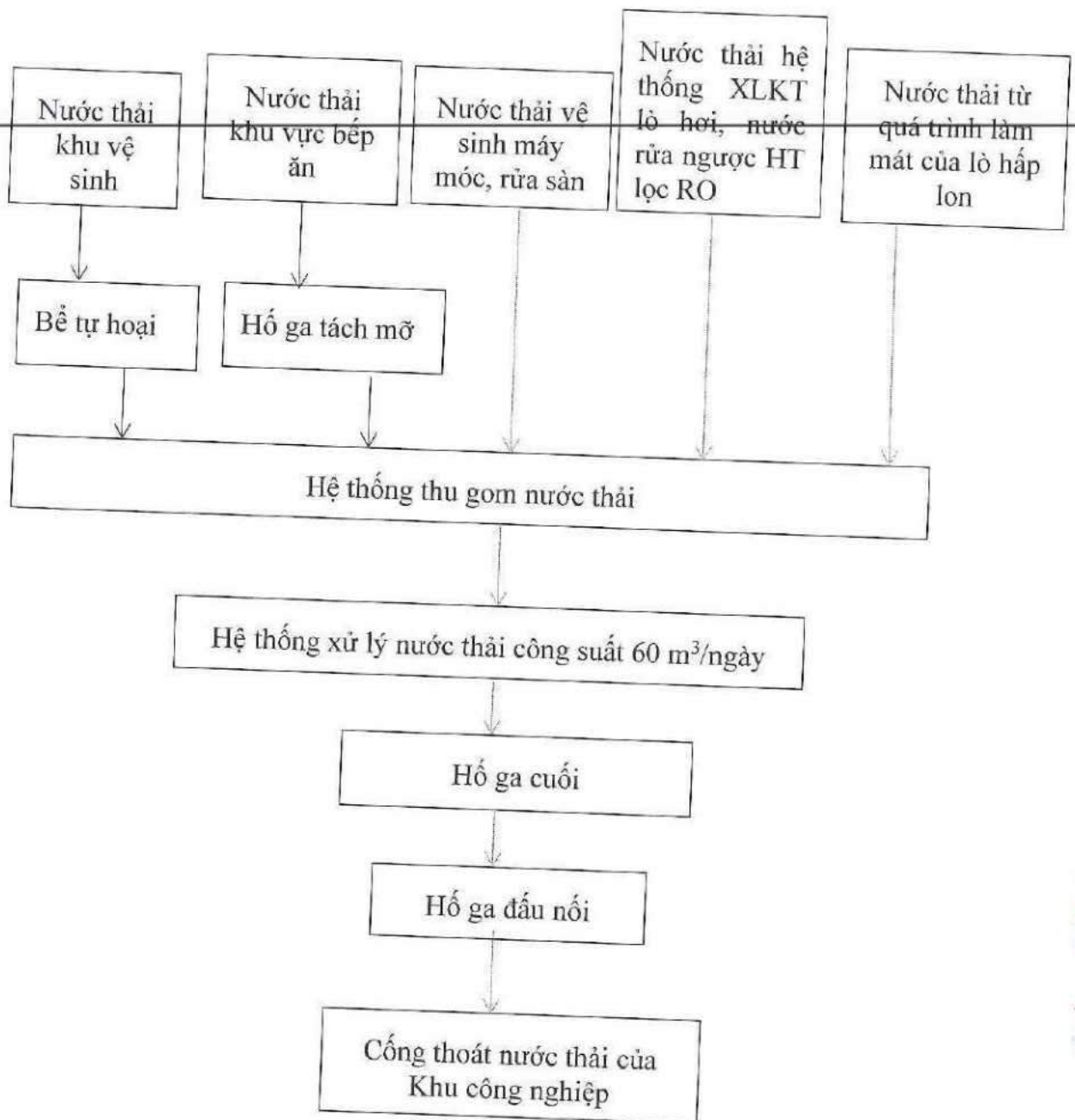
- Nước thải rửa ngược của hệ thống lọc nước RO được thu gom chảy ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước làm mát của quá trình hấp sản phẩm lon thành phẩm.

Sau khi trải qua quy trình hấp sản phẩm lon thành phẩm, lon sẽ được làm mát bằng nước sạch để hạ nhiệt độ. Nước sau quá trình làm mát lon được thu gom bằng đường ống D110 về hố ga cuối chứa nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Nước thải sau xử lý tại hố ga cuối theo đường ống D75 chảy ra bên ngoài và đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

- ❖ Hệ thống thu gom, xử lý sau cải tạo của Công ty



• **Đối với nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải nhà bếp

Nước thải nhà bếp đi qua hệ thống song chắn rác để tách các loại rác thải nhà ăn như rau, củ, thực phẩm thừa, loại,... rồi qua hố ga tách mỡ để dầu mỡ nổi lên trên không cuốn theo nước thải vào trong đường ống thu gom nước thải.

Định kỳ hàng ngày hút các văng dầu nổi lên trên để thu gom theo chất thải sinh hoạt. Rác thải bị ngăn lại trên song chắn rác được thu gom theo chất thải rắn sinh hoạt.

Nước thải sau khi qua hố ga tách dầu mỡ sẽ chảy vào đường ống D100 thu ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 chảy về trạm xử lý nước thải tập trung của công suất 60 m³/ngày đêm.

- Nước thải vệ sinh

Nước thải từ các chậu rửa, nước thoát sàn thu về ống thoát nước rửa sau đó dẫn ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 và chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải từ các bể xí tiêu khu vực nhà vệ sinh được thu gom vào 02 bể tự hoại 3 ngăn (Khu nhà điều hành và khu bếp kết hợp khu vực nghỉ ngơi của công nhân. Dung tích 8 m³ bằng hệ thống đường ống PCV 110 thu ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 60 m³/ngày đêm.

• **Đối với nước thải sản xuất:**

- Nước thải vệ sinh nhà xưởng, rửa máy móc.

Cuối ca làm việc, Công nhân sẽ vệ sinh nhà xưởng (khu vực sản xuất nước giải khát) thu gom các rãnh nhỏ kích thước 200x200mm trong xưởng và chảy ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 20 m³/ngày đêm.

Ngoài ra, công nhân sẽ vệ sinh máy móc, nồi nấu...nước thải sẽ được thu gom ra hố ga nước thải, tiếp theo chảy ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 60 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, hàng ngày nước thải từ hệ thống dập bụi lò hơi sẽ được thu gom chảy ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 20 m³/ngày đêm.

- Nước thải rửa ngược của hệ thống lọc nước RO được thu gom chảy ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 20 m³/ngày đêm.

- Nước làm mát của quá trình hấp sản phẩm lon thành phẩm.

Sau khi trải qua quy trình hấp sản phẩm lon thành phẩm, lon sẽ được làm mát bằng nước sạch để hạ nhiệt độ. Nước sau quá trình làm mát lon chảy ra hệ thống thoát nước thải BTCT D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 60 m³/ngày đêm.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm tại hố ga cuối theo đường ống D75 chảy ra bên ngoài và đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

Tọa độ vị trí xả thải: X= 2.323.889; Y= 565.994 (Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 105⁰, mũi chiếu 3⁰)

Phương thức xả thải: Tự chảy

Bảng 11 Khối lượng hệ thống thu gom nước thải

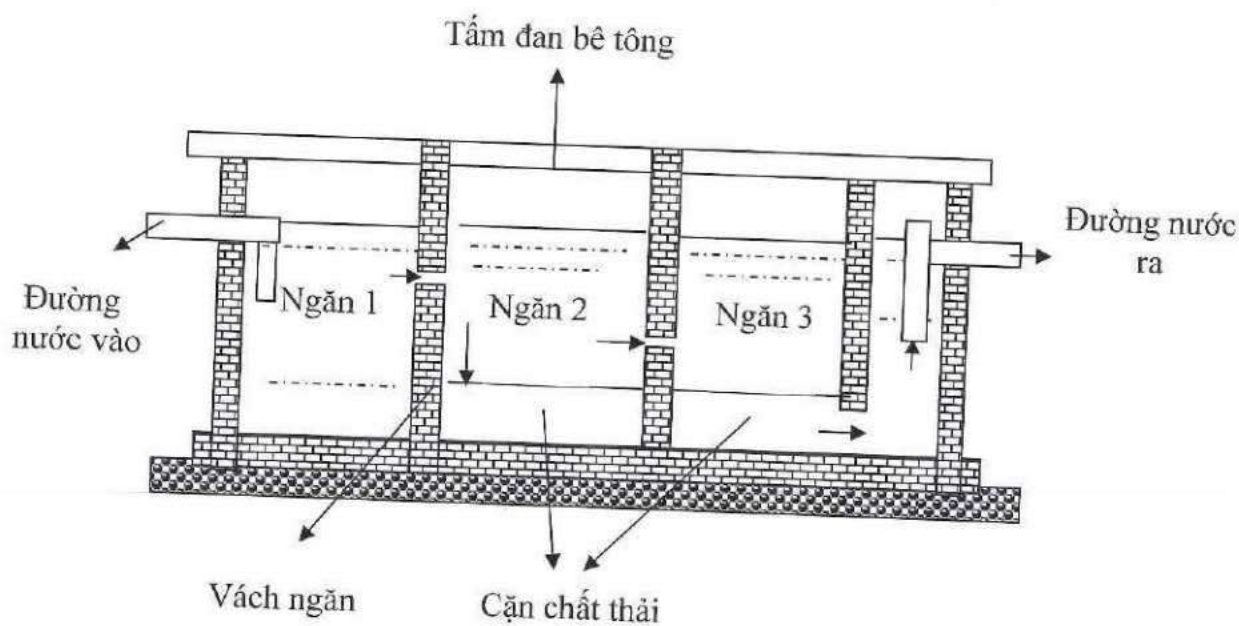
STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống PVC DN75	m	20
2	Ống PVC DN110	m	50
3	Cống BTCT D300	m	425
4	Mương thoát sàn	m	212
5	Hố ga	cái	5

1.3. Công trình xử lý nước thải

❖ **Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt**

Thể tích làm việc của các bể tự hoại như sau: 02 bể, mỗi bể dung tích 8 m^3

Nguyên lý của Bể tự hoại: Đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân huỷ yếm khí cặn lắng. Nước thải thô được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải vào ô hình sẽ tiếp tục qua ngăn 2 xử lý sinh học rồi qua ngăn lắng 3. Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở những ngăn tiếp theo, nước thải được chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa, làm nguồn dinh dưỡng cho sự phát triển của chúng. Cũng nhờ ngăn này, công trình trở thành một dãy bể phản ứng kỵ khí được bố trí nối tiếp, cho phép tách riêng hai pha (lên men axit và lên men kiềm). Quần thể vi sinh vật trong từng ngăn sẽ khác nhau và có điều kiện phát triển thuận lợi. Ở những ngăn đầu, các vi khuẩn tạo axit sẽ chiếm ưu thế, trong khi ở những ngăn sau, các vi khuẩn tạo methan sẽ là chủ yếu. Cặn lắng được lưu giữ trong bể từ 3-6 tháng, dưới tác động của vi sinh vật yếm khí các chất hữu cơ được phân huỷ thành khí CO_2 , CH_4 và các chất vô cơ. Nước trong bên trên sẽ chảy vào hệ thống cống thoát nước thải về trạm XLNT tập trung. Bùn lắng dưới đáy được Công ty thuê đơn vị có chức năng hút và vận chuyển đi xử lý. Sơ đồ bể tự hoại được miêu tả như hình dưới đây:



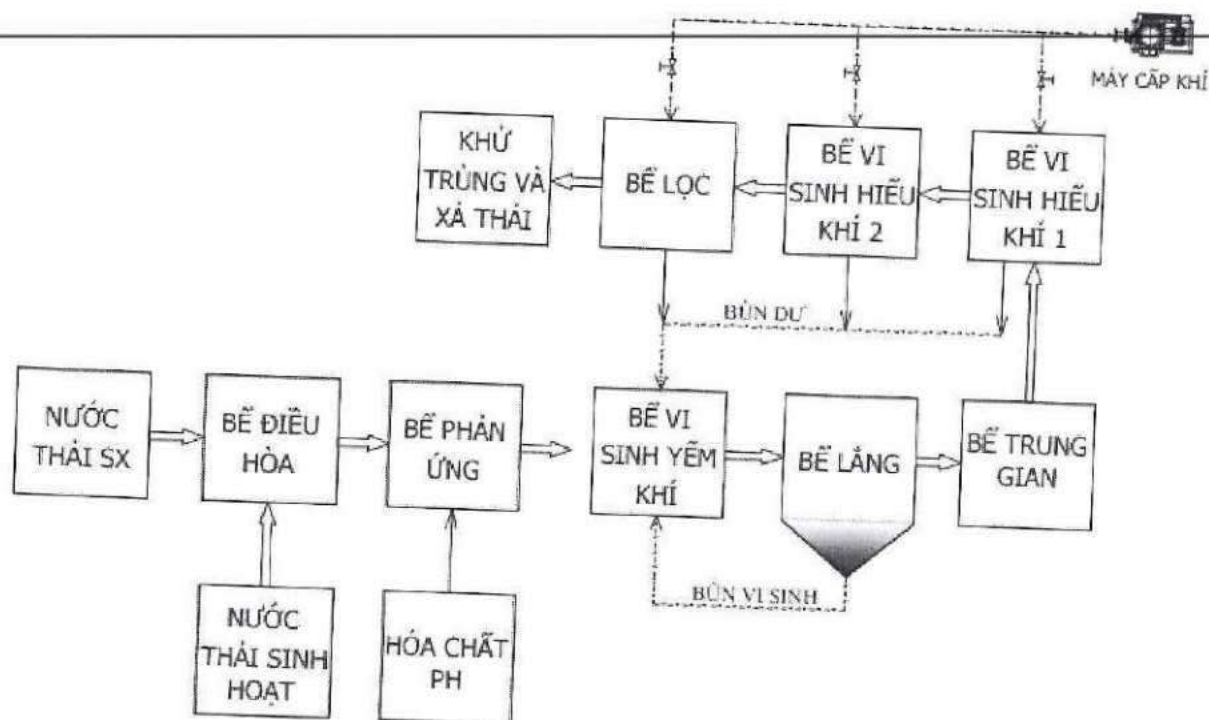
Hình 11 Sơ đồ bể tự hoại

Lượng phân bùn bể phốt sẽ định kỳ hút và thuê đơn vị có chức năng xử lý đến thu gom, vận chuyển.

❖ **Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.**

Để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra, Công ty đã xây dựng 01 HTXL nước thải tập trung theo phương pháp sinh học. Mục tiêu đầu ra của nước thải đạt chất lượng

nước cột B theo QCTĐHN 02:2014:2011/BTNMT với công suất thiết kế $20\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm và đang vận hành ổn định.



Hình 12 Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải công suất $20\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm

Thuyết minh sơ đồ công nghệ xử lý nước thải:

(1) Bể điều hòa

Thể tích 10 m^3

Bể điều hòa có chức năng chứa và điều hòa dòng thải, đảm bảo ổn định cho các công trình xử lý phía sau.

Trong bể điều hòa được lắp đặt hệ thống cấp khí thô để đảo trộn và chống phát sinh mùi hôi tại bể điều hòa.

Lắp đặt bơm chìm, vận hành đẩy nước thải sang bể phản ứng.

(2) Bể phản ứng

Thể tích 5 m^3

Thực hiện phản ứng trung hòa, điều chỉnh pH của nguồn nước, điều chỉnh dinh dưỡng N, P cho hệ vi sinh.

(3) Bể vi sinh yếm khí

Thể tích của bể là 55 m^3 .

Bể yếm khí được thiết lập với nhiệm vụ xử lý loại bỏ phần lớn lượng chất hữu cơ có trong nước thải. Bể xử lý yếm khí được thiết kế theo kỹ thuật màng vi sinh dạng tĩnh, bao gồm 3 ngăn nối tiếp.

Nước thải đi vào các ngăn từ dưới đáy, chảy ngược (lọc) qua lớp chất mang chứa vi sinh vật (là tác nhân xử lý chất ô nhiễm trong nước thải) và được thu trên bề mặt, dẫn sang ngăn tiếp theo. Nước sau bể yếm khí tự chảy sang bể lắng.

Chất mang vi sinh trong các ngăn được cố định thành dạng tầng lọc. Bể được thiết kế sử dụng chất mang vi sinh MBC-2 có tính chất, cấu trúc phù hợp để vi sinh bám dính và sinh trưởng ở dạng màng. Hệ vi sinh ở dạng màng giúp tăng cao hiệu quả xử lý và tính ổn định của bể yếm khí.

(4) Bể lắng vi sinh

Sau khi xử lý, nước thải chảy vào máng thu sang bể lắng. Tại bể lắng, bùn sinh học lắng xuống đáy bể, định kỳ bơm sang bể phân hủy bùn, một phần bùn được tuần hoàn về bể yếm khí để bổ sung phần bùn sinh học bị thiếu hụt trong bể. Phần nước trong phía trên chảy vào máng thu về bể trung gian.

Thể tích của bể lắng là $5,5 \text{ m}^3$.

(5) Bể trung gian

Nước thải từ bể lắng chảy qua bể trung gian để ổn định nồng độ và lưu lượng nước thải trước khi bơm sang bể vi sinh hiếu khí.

Thể tích của bể trung gian là $4,2 \text{ m}^3$.

(6) Bể lọc vi sinh hiếu khí

Hệ bể hiếu khí có chức năng xử lý loại bỏ chất lượng chất hữu cơ còn dư (sau khi xử lý tại bể yếm khí) trong nước thải nước thải tới giá trị cho phép xả thải theo quy định. Nước thải sau khi xử lý qua vi sinh yếm khí được chứa lại trong bể trung gian và được bơm đẩy qua hệ thống thông vi sinh hiếu khí. Nước thải sau bể hiếu khí tự chảy sang bể lọc.

Hệ vi sinh hiếu khí bao gồm 2 bình lọc có thể tích tương đương, nối tiếp nhau. Thiết bị được gia công bằng inox, kích thước D x H là $1,2 \times 3 \text{ m}$. Thể tích mỗi bể bằng $3,4 \text{ m}^3$. Tổng thể tích là $6,8 \text{ m}^3$.

Các bể được thiết kế theo kỹ thuật màng vi sinh dạng tĩnh (tương tự bể yếm khí), chất mang vi sinh được sử dụng là loại MBC-1.

Hệ thống cấp khí bao gồm hệ cấp khí tĩnh phục vụ cho quá trình xử lý liên tục của bể hiếu khí và hệ cấp khí thô phục vụ cho mục đích định kỳ loại bỏ sinh khối dư trong lớp chất mang. Sinh khối dư được hút về bể phân hủy bùn.

(7) Bể lọc

Bể lọc có chức năng đảm bảo độ trong của nước, đạt yêu cầu cho mục đích khử trùng bằng tia cực tím và quy định cho phép xả thải. Nước sau xử lý tại bể lọc tự chảy qua thiết bị khử trùng.

Diện tích lọc tối thiểu đáp ứng $0,25 \text{ m}^2$. Sử dụng vật liệu MBC-1 làm vật liệu lọc.

Thể tích vật liệu lọc cần thiết là $0,5 \text{ m}^3$.

Lắp đặt hệ cấp khí thô trong bể lọc để định kỳ loại bỏ cặn tích lũy về bể yếm khí.

Thể tích bể lọc $0,8 \text{ m}^3$. Thiết bị gia công bằng inox.

(8) Bể khử trùng

Lắp đặt thiết bị khử trùng bằng tia cực tím để khử trùng, hoàn thiện quy trình xử lý nước thải. Thiết bị khử trùng bằng tia cực tím gọn nhẹ, tiêu hao điện năng cho quá trình khử trùng ở mức tối thiểu.

- Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

Bảng 12 Thiết bị, máy móc dùng trong hệ thống XLNT

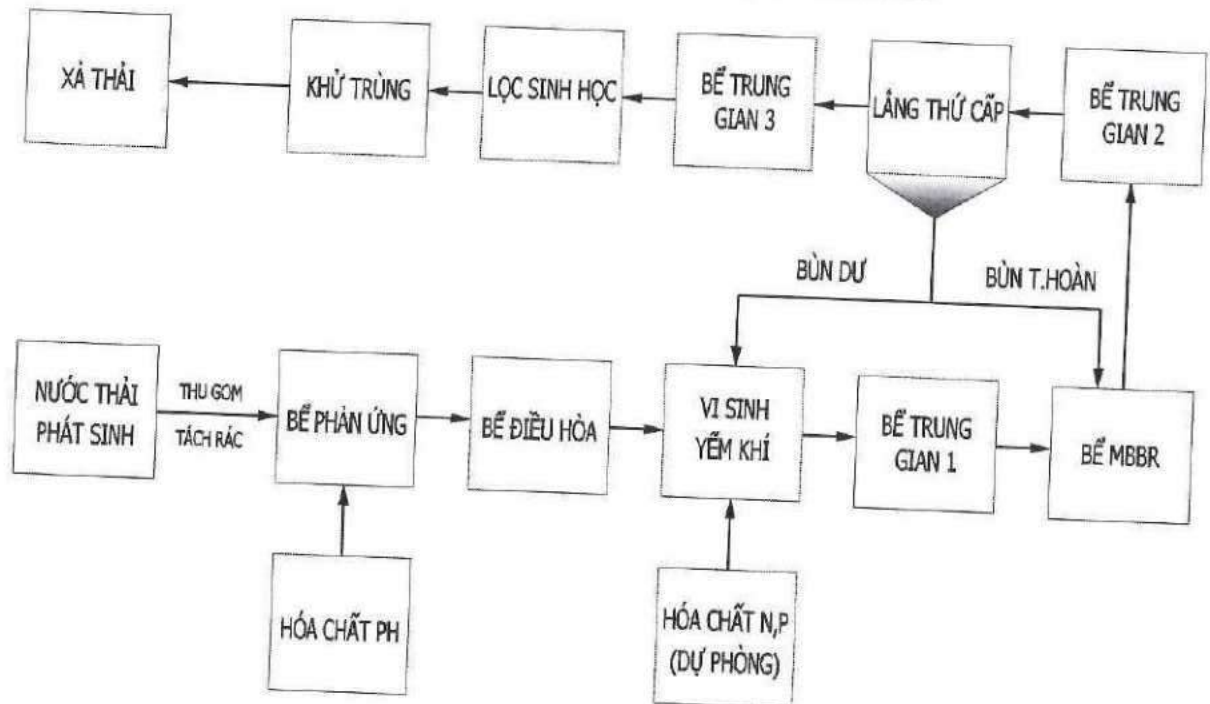
Stt	Nội dung	Đơn vị	Số lượng
	Máy thổi khí - Máy thổi khí đặt cạn		
1	- Lưu lượng: $Q = 40 \text{ m}^3/\text{h}$; - Cột áp: $H = 3 \text{ m H}_2\text{O}$ - Điện áp: 380V/50Hz - Xuất xứ: Longtech/Đài Loan; - Model: LT 040 - Đồng bộ cùng phụ kiện lắp đặt: van một chiều, đồng hồ áp	cái	2
2	Bơm nước thải chìm - Xuất xứ: APP/Đài Loan; - Model: BAS200 - Công suất: 200W; - Điện áp: 220V/50Hz	cái	3
3	Bơm định lượng hóa chất - Công suất: 45W - Q : 30 l/h	bộ	2
4	Đèn UV khử trùng - Công suất đáp ứng: 55 W - Điện: 220V/50Hz	Bộ	1
5	Hệ thống tủ điện động lực điều khiển, dây điện kết nối, kiểm soát hoạt động của hệ thống	Bộ	1



Hình 13 Trạm xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đêm

❖ **Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm sau khi được cải tạo**

Hiện tại, cơ sở đã có 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày đêm. Cơ sở sẽ tận dụng tối đa các thiết bị, bể sẵn có, xây dựng thêm bể, bổ sung thiết bị để nâng công suất từ 20 m³/ngày lên 60 m³/ngày. Quy trình cụ thể như sau:



Hình 14 Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm sau khi cải tạo

Thuyết minh quy trình công nghệ:

(1) Bể phản ứng

Nước thải sau khi được tách rác sẽ được đưa vào bể phản ứng. Tại đây thực hiện phản ứng trung hòa, điều chỉnh pH của nguồn nước, điều chỉnh dinh dưỡng N, P cho hệ vi sinh.

(2) Bể điều hòa

Bể điều hòa có chức năng chứa và điều hòa dòng thải, đảm bảo ổn định cho các công trình xử lý phía sau.

Trong bể điều hòa được lắp đặt hệ thống cấp khí thô để đảo trộn và chống phát sinh mùi hôi tại bể điều hòa.

(3) Bể vi sinh yếm khí

Bể yếm khí được thiết lập với nhiệm vụ xử lý loại bỏ phần lớn lượng chất hữu cơ có trong nước thải. Bể xử lý yếm khí được thiết kế theo kỹ thuật màng vi sinh dạng tĩnh, bao gồm 3 ngăn nối tiếp.

Nước thải đi vào các ngăn từ dưới đáy, chảy ngược (lọc) qua lớp chất mang chứa vi sinh vật (là tác nhân xử lý chất ô nhiễm trong nước thải) và được thu trên bề mặt, dẫn sang ngăn tiếp theo. Nước sau bể yếm khí tự chảy sang bể lắng.

Chất mang vi sinh trong các ngăn được cố định thành dạng tầng lọc. Bể được thiết kế sử dụng chất mang vi sinh MBC-2 có tính chất, cấu trúc phù hợp để vi sinh

bám dính và sinh trưởng ở dạng màng. Hệ vi sinh ở dạng màng giúp tăng cao hiệu quả xử lý và tính ổn định của bể yếm khí.

(4) Bể trung gian 1

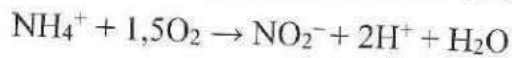
Nước thải từ bể vi sinh yếm khí chảy qua bể trung gian để ổn định nồng độ và lưu lượng nước thải trước khi bơm sang bể vi sinh hiếu khí.

(5) Bể MBBR

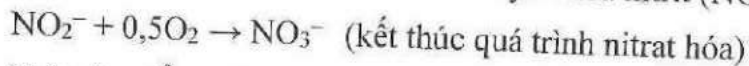
- Oxy được cấp vào bể thông qua hệ thống cấp khí đặt ở dưới đáy Bể. Trong quá trình xử lý hiếu khí, vi sinh vật sẽ sử dụng oxi và chất dinh dưỡng trong nước thải (BOD, Nito (chủ yếu dạng Amoni), Phospho và các vi chất, ...) để tổng hợp tế bào - sinh khối (dạng bùn hoạt tính, dễ lắng và tách bằng các biện pháp cơ học - Ở đây sử dụng bể lắng).

* Quá trình Nitrat hóa

Bước 1. Vi khuẩn nitrosomonas sẽ chuyển hóa amoni thành nitrit



Bước 2. Vi khuẩn nitrobacter sẽ chuyển hóa nitrit (NO_2^-) thành nitrat (NO_3^-)



Phản ứng tổng của quá trình nitrat hoá được viết lại như sau:



(6) Bể trung gian 2

Nước thải từ bể MBBR chảy qua bể trung gian 2 để ổn định nồng độ và lưu lượng nước thải trước khi vào bể lắng thứ cấp.

(7) Bể lắng thứ cấp

Tại bể lắng, bùn sinh học lắng xuống đáy bể, định kỳ bơm sang bể phân hủy bùn, một phần bùn được tuần hoàn về bể yếm khí, bể MBBR để bổ sung phần bùn sinh học bị thiếu hụt trong bể. Phần nước trong phía trên chảy vào về bể trung gian 3.

(8) Bể trung gian 3

Nước thải tại bể trung gian 3 chứa nước thải sau khi lắng thức cấp. Tiếp theo nước thải được bơm sang bể lọc sinh học.

(9) Bể lọc sinh học

Bể lọc sinh học có chức năng: Oxi hóa sâu các chất hữu cơ (COD, BOD) khó sinh hủy có trong nguồn thải bằng vi sinh hiếu khí, sử dụng kỹ thuật lọc sinh học tầng tĩnh (FBBR). Bể FBBR có khả năng xử lý sâu, triệt để cả với nguồn COD khó sinh hủy.

Bể lọc sinh học bao gồm 2 bình lọc có thể tích tương đương, nối tiếp nhau. Thiết bị được gia công bằng inox.

Các bể được thiết kế theo kỹ thuật màng vi sinh dạng tĩnh FBBR.

Hệ thống cấp khí bao gồm hệ cấp khí tĩnh phục vụ cho quá trình xử lý liên tục của bể và hệ cấp khí thô phục vụ cho mục đích định kỳ loại bỏ sinh khối dư trong lớp chất mang. Sinh khối dư được hút về bể phân hủy bùn.

(10) Bể khử trùng

Lắp đặt thiết bị khử trùng bằng tia cực tím để khử trùng, hoàn thiện quy trình xử lý nước thải. Thiết bị khử trùng bằng tia cực tím gọn nhẹ, tiêu hao điện năng cho quá trình khử trùng ở mức tối thiểu.

- Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

Bảng 13 Thống kê kích thước các bể của công trình xử lý nước thải

TT	Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m ³ /ngày đêm		Hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m ³ /ngày đêm sau cải tạo		Phương án cải tạo
	Tên bể	Thể tích m ³	Tên bể	Thể tích m ³	
1	Bể điều hòa	10	Bể điều hòa	30	Mở rộng thêm
2	Bể phản ứng	5	Bể phản ứng	5	Giữ nguyên
3	Bể vi sinh yếm khí	55	Bể vi sinh yếm khí	48	Cải tạo bể cũ
4	Bể lắng	5,5	Bể trung gian 1	5	Cải tạo bể cũ
5	Bể trung gian	4,2	Bể MBBR	45	Bổ sung mới
6	Bể vi sinh hiếu khí 1	3,4	Bể trung gian 2	5	Bổ sung mới
7	Bể vi sinh hiếu khí 2	3,4	Bể lắng thứ cấp	12	Bổ sung mới
8	Bể lọc	0,8	Bể trung gian 3	5	Bổ sung mới
9	Bể khử trùng	1,1	Bể lọc sinh học	7	Cải tạo bể cũ
			Bể khử trùng	1,1	Cải tạo bể cũ

Bảng 14 Danh sách thống kê kích thước các bể của công trình xử lý nước thải

Stt	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Chức năng	Đơn vị	Số lượng	Vị trí lắp đặt
1	Bơm nước thải bể gom	Công suất: 0,55 kW Điện áp: 220V/50Hz Lưu lượng max: 9 m ³ /h Xuất xứ: Trung Quốc Loại: bơm chìm	Bơm nước thải từ hố gom lên máy tách rác	Bộ	1	Bể gom đầu vào
2	Máy tách rác	Công suất: 0,4 kW Xuất xứ: Việt Nam Lưu lượng max: 40 m ³ /h	Tách rác, chặn lơ lửng	Bộ	1	Khu bể điều hòa
3	Bơm chìm nước thải	Công suất: 0,2 kW Điện áp: 220V/50Hz Lưu lượng max: 7 m ³ /h Xuất xứ: Trung Quốc Loại: bơm chìm	Bơm nước thải từ bể điều hòa sang hệ thống xử lý	Bộ	1	Bể điều hòa
4	Bơm định	Công suất: 0,1 kW Điện áp: 220V/50Hz	Bơm hóa chất điều chỉnh pH	Bộ	1	Khu điều hành

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Stt	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Chức năng	Đơn vị	Số lượng	Vị trí lắp đặt
	lượng hóa chất	Lưu lượng max: 100 L/h Xuất xứ: G7				
		Loại: bơm định lượng hóa chất				
5	Bơm định lượng hóa chất	Công suất: 0,05 kW Điện áp: 220V/50Hz Lưu lượng max: 30 L/h Xuất xứ: G7 Loại: bơm định lượng hóa chất	Bơm hóa chất bổ sung dinh dưỡng dự phòng	Bộ	2	Khu điều hành
6	Bơm nước thải bể trung gian 1	Công suất: 0,2 kW Điện áp: 220V/50Hz Xuất xứ: Trung Quốc Lưu lượng max: 7 m ³ /h Loại: bơm chìm	Bơm nước thải sau yếm khí sang hệ bể vi sinh MBBR	Bộ	1	Bể trung gian 1
7	Bơm bùn	Công suất: 0,2 kW Điện áp: 220V/50Hz Xuất xứ: Trung Quốc Lưu lượng max: 7 m ³ /h Loại: bơm chìm	Bơm bùn vi sinh bể yếm khí tuần hoàn	Bộ	1	Bể yếm khí 3
8	Máy thổi khí 1	Công suất: 1,5 kW Điện áp: 380V/50Hz Lưu lượng: Q = 40 m ³ /h Cột áp: H = 3m H ₂ O Xuất xứ: Trung Quốc Máy thổi khí đặt cạn	Sục khí bể điều hòa Sục khí bể phản ứng Sục khí rửa, vệ sinh tầng lọc vi sinh	Bộ	2	Khu điều hành
9	Máy thổi khí 2	Công suất: 4 kW Điện áp: 380V/50Hz Lưu lượng max: Q = 325 m ³ /h Xuất xứ: Trung Quốc Máy thổi khí đặt cạn	Sục khí bể vi sinh hiếu khí MBBR	Bộ	2	Khu điều hành
10	Bơm nước thải bể trung gian 3	Công suất: 0,25 kW Hmax: 7,5 m Qmax: 9 m ³ /h Điện áp: 220V/50Hz Xuất xứ: Veratti Bơm chìm	Bơm nước thải từ bể trung gian 3 lên hệ thống lọc sinh học	Bộ	1	Bể trung gian 3
11	Bơm bùn	Công suất: 0,25 kW Hmax: 7,5 m	Bơm bùn tuần hoàn, bùn dư từ bể	Bộ	1	Bể lắng thứ cấp

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Stt	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Chức năng	Đơn vị	Số lượng	Vị trí lắp đặt
		Qmax: 9 m ³ /h Điện áp: 220V/50Hz Xuất xứ: Veratti Bơm chìm	lắng thứ cấp về bể MBBR hoặc bể yếm khí			
12	Đèn UV	Công suất: 0,55 W Điện áp: 220V/50Hz Xuất xứ: Trung Quốc Loại: thả chìm	Khử trùng nước thải	Bộ	1	Bể khử trùng

❖ **Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải**

- Quy cách điều khiển vận hành các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải.

Stt	Thiết bị	Chức năng	Đơn vị	Số lượng	Vị trí lắp đặt	Qui cách điều khiển
1	Bơm nước thải bể gom	Bơm nước thải từ hố gom lên máy tách rác	Bộ	1	Bể gom đầu vào	Bằng tay hoặc tự động theo phao
2	Máy tách rác	Tác rác, cặn lơ lửng	Bộ	1	Khu bể điều hòa	Bằng tay hoặc tự động theo phao
3	Bơm chìm nước thải	Bơm nước thải từ bể điều hòa sang hệ thống xử lý	Bộ	1	Bể điều hòa	Bằng tay hoặc tự động theo phao báo mức trong bể điều hòa
4	Bơm định lượng hóa chất	Bơm hóa chất điều chỉnh pH	Bộ	1	Khu điều hành	Bằng tay hoặc tự động theo bộ điều khiển pH tự tự động.
5	Bơm định lượng hóa chất	Bơm hóa chất bổ sung dinh dưỡng	Bộ	2	Khu điều hành	Bằng tay hoặc tự động theo bơm nước thải bể điều hòa
6	Bơm nước thải bể trung gian 1	Bơm nước thải sau yếm khí sang hệ bể vi sinh MBBR	Bộ	1	Bể trung gian 1	Bằng tay hoặc tự động theo phao báo mức trong bể trung gian
7	Bơm bùn	Bơm bùn vi sinh bể yếm khí tuần hoàn	Bộ	1	Bể yếm khí 3	Bằng tay hoặc tự động theo bơm điều hòa và timer
8	Máy thổi khí 1	Sục khí bể phản ứng Sục khí rửa, vệ sinh tầng lọc vi sinh	Bộ	2	Khu điều hành	Bằng tay hoặc tự động theo timer
9	Máy thổi khí 2	Sục khí bể vi sinh hiếu khí MBBR	Bộ	2	Khu điều hành	Bằng tay hoặc tự động theo timer

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Stt	Thiết bị	Chức năng	Đơn vị	Số lượng	Vị trí lắp đặt	Qui cách điều khiển
10	Bơm nước thải bể trung gian 3	Bơm nước thải từ bể trung gian 3 lên hệ thống lọc sinh học	Bộ	1	Bể trung gian 3	Bằng tay hoặc tự động theo phao báo mức trong bể trung gian
11	Bơm bùn	Bơm bùn tuần hoàn, bùn dư từ bể lắng thứ cấp về bể MBBR hoặc bể yếm khí	Bộ	1	Bể lắng thứ cấp	Bằng tay hoặc tự động theo bơm điều hòa và timer
12	Đèn UV	Khử trùng nước thải	Bộ	1	Bể khử trùng	Bằng tay hoặc tự động theo bơm nước thải bể điều hòa

- Hướng dẫn vận hành kiểm soát hệ thống

✓ Công tác kiểm tra, chuẩn bị

Kiểm tra hệ thống đường ống, van khóa

- Kiểm tra đường ống cấp khí và đường ống dẫn nước thải, nước cấp có bị rò rỉ tắc nghẽn hoặc vỡ không.
- Kiểm tra các van đã nằm đúng vị trí đóng/mở theo trạng thái hoạt động chưa.

Kiểm tra hệ thống điện điều khiển

- Kiểm tra hệ thống tủ điện điều khiển xem có hoạt động không
- Các đèn báo dừng, chạy, quá tải
- Các vị trí có khả năng dò điện, đứt dây

Chuẩn bị hóa chất

STT	Mục	Cách pha và liều lượng sử dụng
1	Hóa chất xút (NaOH)	Xút pha với nồng độ 5% (50 kg/m³), có thể pha tối đa với nồng độ 10% (100 kg/m³). Nồng độ được hiệu chỉnh phù hợp sau khi chạy khởi động. Các bước pha hóa chất: 1. Xác định nồng độ cần pha (theo hướng dẫn của người vận hành). 2. Tính toán và chuẩn bị lượng hóa chất đủ để pha 1 lần 3. Tắt máy bơm định lượng và bơm nước thải 4. Bơm nước sạch vào đầy bình pha hóa chất 5. Mở van khí để sục 6. Cho từ từ hóa chất vào, vừa cho vừa khuấy đến khi hóa chất tan hết 7. Bật lại máy bơm định lượng, cho hệ thống hoạt động bình thường 8. Duy trì chế độ sục nhỏ để hóa chất không bị lắng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

		Trường hợp hệ thống cần bổ sung N, Ure ($>40\%N$) được cân nhắc sử dụng. Các bước pha hóa chất: 1. Xác định nồng độ cần pha (theo hướng dẫn của người vận hành và thực trạng nguồn nước thải).
2	Hóa chất cấp dinh dưỡng N (sử dụng trong nguồn thải thiếu N)	2. Tính toán và chuẩn bị lượng hóa chất đủ để pha 1 lần 3. Tắt máy bơm định lượng và bơm nước thải 4. Bơm nước sạch vào đầy bình pha hóa chất 5. Mở van khí để sục 6. Cho từ từ hóa chất vào, vừa cho vừa khuấy đến khi hóa chất tan hết 7. Bật lại máy bơm định lượng, cho hệ thống hoạt động bình thường 8. Duy trì chế độ sục nhỏ để hóa chất không bị lắng
3	Hóa chất cấp dinh dưỡng P (sử dụng trong điều kiện nguồn thải thiếu P)	Trường hợp hệ thống phải bổ sung P. Có thể sử dụng các hóa chất H_3PO_4 (85%), $Na_3PO_4 \cdot 12H_2O$ ($>90\%$) hoặc $NaH_2PO_4 \cdot 2H_2O$ ($>90\%$). Lưu ý: nguồn P có thể pha chung với ure nếu hệ thống chỉ có 1 bồn pha hóa chất cấp dưỡng Các bước pha hóa chất: 1. Xác định nồng độ cần pha (theo hướng dẫn của người vận hành, theo tính toán thực trạng nguồn nước thải). 2. Tính toán và chuẩn bị lượng hóa chất đủ để pha 1 lần 3. Tắt máy bơm định lượng và bơm nước thải 4. Bơm nước sạch vào đầy bình pha hóa chất 5. Mở van khí để sục 6. Cho từ từ hóa chất vào, vừa cho vừa khuấy đến khi hóa chất tan hết 7. Bật lại máy bơm định lượng, cho hệ thống hoạt động bình thường Duy trì chế độ sục nhỏ để hóa chất không bị lắng

✓ **Quy trình vận hành**

Sau khi cài đặt các timer trong tủ điện, pha đầy đủ các hóa chất theo hướng dẫn

1. Bật attomat nguồn cho tủ điện
 2. Bật attomat cho các thiết bị trong hệ thống
 3. Chuyển chế độ tự động cho các máy thổi khí, bơm ĐH, bơm tuần hoàn, bơm trung gian, bơm định lượng hóa chất, bơm bùn, v.v.
 4. Theo dõi thường xuyên pH ở bể phản ứng để điều chỉnh bơm định lượng và nồng độ xút pha cho phù hợp. Cài đặt thiết bị pH controller theo hướng dẫn.
- ✓ **Sục rửa bể lọc**

- Khi quan sát bể lọc bị tắc dẫn tới tràn các bể trước đó hoặc nước đầu ra bị đục thì thực hiện rửa vật liệu.
- Quá trình rửa lọc thực hiện như sau:
 1. Dừng hoạt động của hệ thống
 2. Bật máy khí bằng tay

3. Mở van khí của bể bị tắc
4. Duy trì sục khí 5-10 phút
5. Mở van xả đáy của bể đó hoặc bật bơm hút đáy bể (nếu bể có van hoặc bơm).
6. Dời đến khi cạn bể (trường hợp có bố trí bơm hút, van xả)
7. Chuyển các van về vị trí hoạt động như trước
8. Chuyển hệ thống sang chế độ hoạt động tự động

Đối với bể lọc sinh học và bể lọc trong

- Định kỳ tiến hành sục rửa, hút bùn bể lọc: 1 lần/tuần (thời gian cụ thể được chỉnh phù hợp với vận hành thực tế, có thể kéo dài thời gian nếu bể chưa tắc và nước ra sau lọc trong.

✓ Quy trình tham gia vận hành

1. Nắm rõ nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải và quy cách điều khiển các thiết bị trong hệ thống như trong phần 1 và phần 3 mục 3.1, 3.2.
2. Biết thao tác vận hành, chuyển chế độ vận hành tự động.
3. Kiểm tra đèn báo tình trạng hoạt động của các thiết bị. Đặt tất cả các thiết bị vận hành ở chế độ tự động.
4. Làm vệ sinh định kỳ: vớt bỏ rác, cặn, mỡ nổi trong hồ thu và bể tách mỡ, thu gom và đổ bỏ độc lập.
5. Định kỳ sục rửa bể lọc vi sinh 1 lần/ tuần hoặc khi bể lọc bị tắc
6. Định kỳ thực hiện hút bỏ bùn cặn tích lũy dưới đáy bể điều hòa, bể tách dầu mỡ bể phân hủy bùn (1 lần/năm).
7. Định kỳ bảo dưỡng máy, thiết bị sử dụng trong hệ thống để tránh hao phí năng lượng vận hành (1-2 lần/năm).

Chú ý. Các công việc thực hiện định kỳ có thể phải làm thường xuyên hơn hoặc không thường xuyên, tùy thuộc vào thực tế trong khi vận hành do vậy cần kinh nghiệm và sự hiểu biết của người vận hành.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

❖ Xử lý bụi và khí thải từ hoạt động đốt nhiên liệu vận hành lò hơi

Hơi được sử dụng cung cấp nhiệt bằng hơi nước nóng cho các quá trình sản xuất gia nhiệt hệ thống-phối-trộn-siro, ... Lò hơi được lắp đặt hệ thống xử lý khí thải. Tại cơ sở có 02 lò hơi. Công suất mỗi lò hơi là 5.000 kg/h.

- ❖ Hiện trạng của hệ thống xử lý khí chưa cải tạo:
- Hệ thống thu gom khí thải của cơ sở như sau:



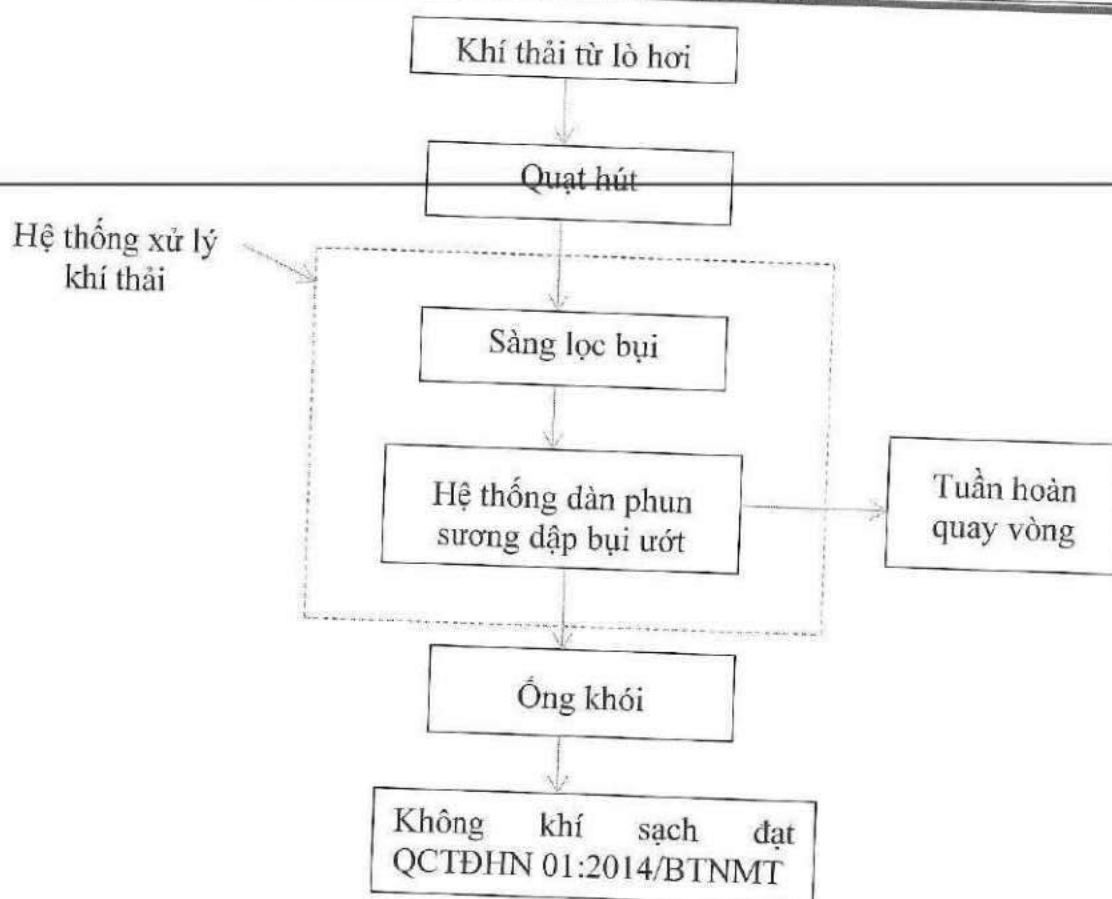
Thuyết minh:

Tại lò hơi 01, khí thải phát sinh theo đường ống thu gom được quạt hút đưa về hệ thống xử lý khí thải lò hơi 01. Khí sạch được thoát ra theo đường ống khói 01 và xả ra môi trường.

Tại lò hơi 02, khí thải phát sinh theo đường ống thu gom được quạt hút đưa về hệ thống xử lý khí thải lò hơi 02. Khí sạch được thoát ra theo đường ống khói 02 và xả ra môi trường.

- Hệ thống xử lý khí thải của cơ sở:

Hiện tại, 2 lò hơi của cơ sở chạy luân phiên và đều có phương án xử lý khí thải giống nhau. Cụ thể quy trình như sau



Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Nguyên lý làm việc của hệ thống

Khí thải sau khi ra khỏi buồng đốt theo ống thải được quạt hút ly tâm vận chuyển không khí qua thiết bị xử lý khí thải bao gồm: 01 sàng dạng mắt lưới 8m đặt tại giữa tháp; trong Tháp dập bụi nước bằng hệ thống giàn phun sương phía trên đỉnh. Nước sẽ làm cho bụi bắn rơi xuống đáy tháp, khí sạch bay lên.

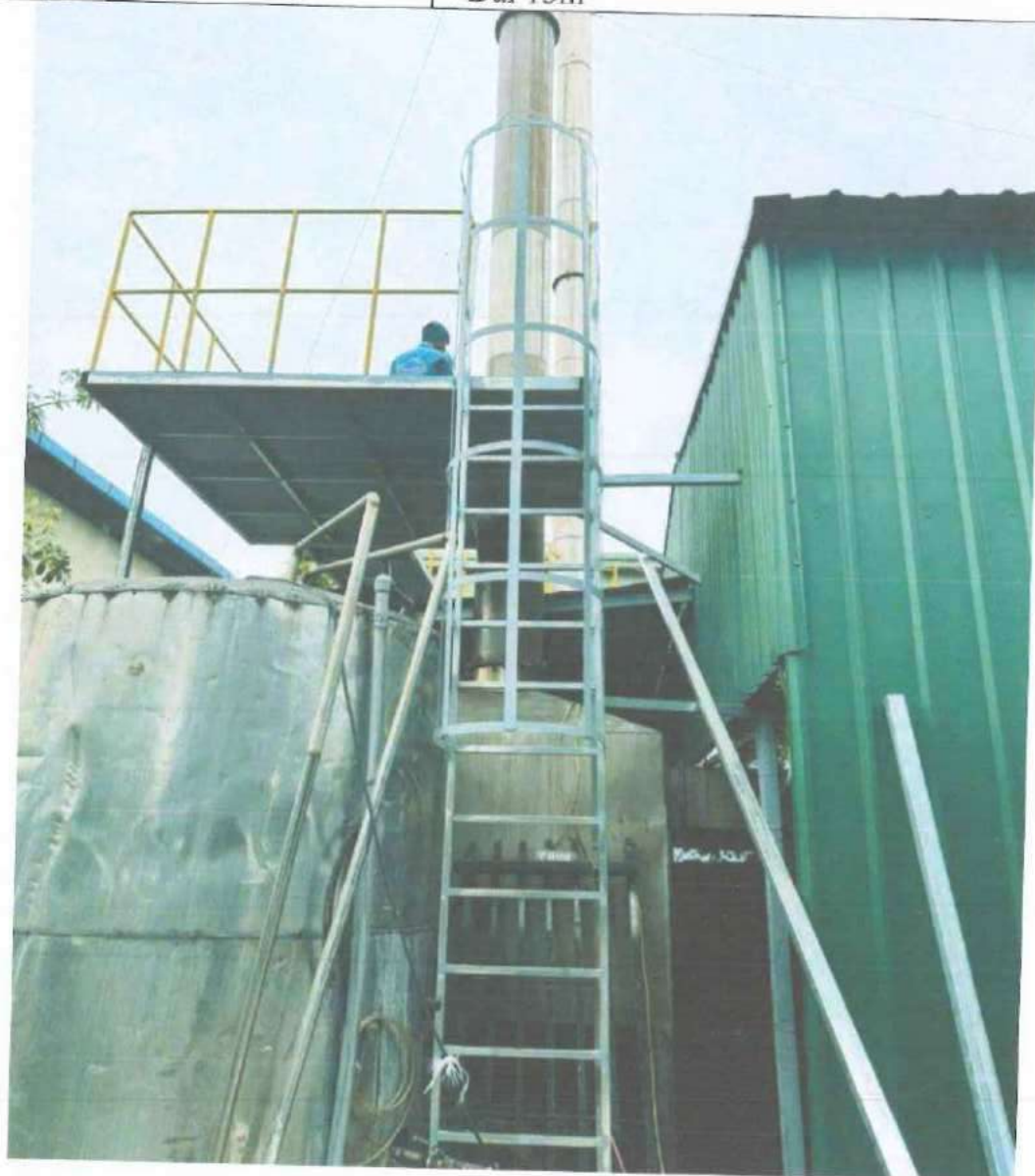
Khí đi ra khỏi thiết bị là không khí sạch theo đường ống khói và thải ra ngoài. Nước được bơm tuần hoàn. Hàng ngày, công nhân sẽ tháo nước từ đáy tháp, tro bụi được thu gom như chất thải rắn thông thường, nước thải bắn sẽ đưa về hệ thống xử lý nước thải.

Bảng 15 Thông số kỹ thuật của mỗi hệ thống xử lý khí thải

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Đường ống thu gom	- Kích thước: 500 x 500 mm - Vật liệu: Tôn mạ kẽm - Dài 5m
2	Tháp xử lý khí thải	- Kích thước: 1600x1600x3.200 mm - 01 sàng lọc có mắt lưới 8mm - 01 giàn phun nước - 01 bơm phun nước 0,75 kW - Số lượng: 01 tháp
3	Quạt hút	- Công suất: 15 kW

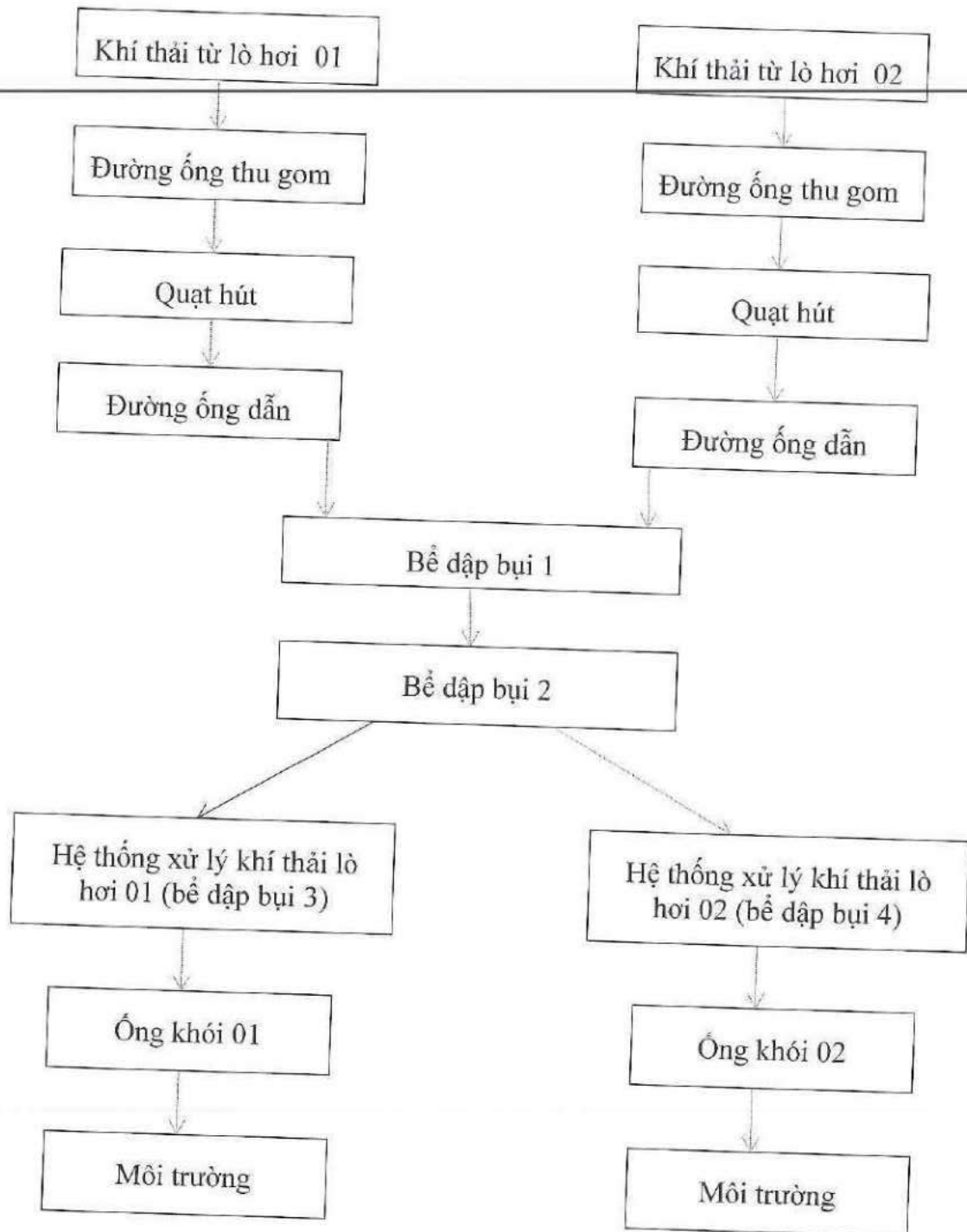
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

		- Lưu lượng: 16.000 m ³ /h - Điện áp: 380v - Số lượng: 1 cái
4	Ống thoát khí	- Đường kính: Φ600mm - Vật liệu: Tôn mạ kẽm - Dài 15m



Hình 15 Hệ thống xử lý khí thải lò hơi

- ❖ Hiện trạng của hệ thống xử lý sau cải tạo:
- Hệ thống thu gom khí thải sau cải tạo của cơ sở như sau:



Thuyết minh:

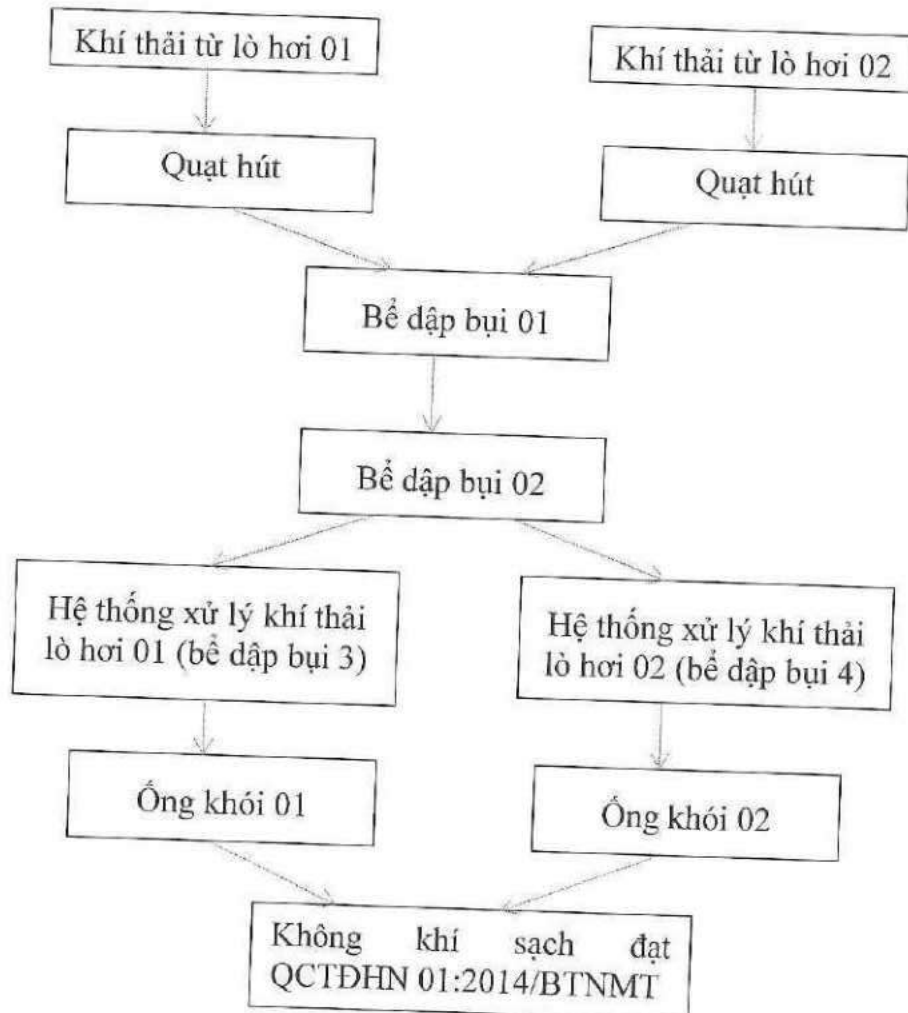
Hiện tại, 2 lò hơi chạy luân phiên và không chạy cùng lúc. Cơ sở cải tạo thêm bể đập bụi ướt phục vụ cho cả 2 lò hơi để chất lượng khí thải được đảm bảo hơn.

Tại lò hơi 01, khí thải phát sinh theo đường ống thu gom được quạt hút đưa về bể đập bụi 01 sau đó qua bể đập bụi 02 và đến hệ thống xử lý khí thải lò hơi 01 (bể đập bụi 03). Khí sạch được thoát ra theo đường ống khói 01 và xả ra môi trường

Tại lò hơi 02, khí thải phát sinh theo đường ống thu gom được quạt hút đưa về bể đập bụi 01 sau đó qua bể đập bụi 02 và đến hệ thống xử lý khí thải lò hơi 01 (bể đập bụi 04). Khí sạch được thoát ra theo đường ống khói 02 và xả ra môi trường.

- Hệ thống xử lý khí thải của cơ sở:

Hiện tại, 2 lò hơi của cơ sở chạy luân phiên và đều có phương án xử lý khí thải giống nhau. Cụ thể quy trình như sau



Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Nguyên lý làm việc của hệ thống

Tại lò hơi 01: Khí thải sau khi ra khỏi buồng đốt theo ống thải được quạt hút ly tâm vận chuyển không khí qua bể đập bụi 01 (có lớp lưới lọc inox 304 lỗ 10mm kết hợp giàn phun nước) sau đó qua bể đập bụi 02 (có lớp lưới lọc inox 304 lỗ 10mm kết hợp giàn phun nước). Sau đó khí thải được đưa đến hệ thống xử lý khí thải lò hơi 01 – bể đập bụi 03 (bao gồm: 01 sàng dạng mắt lưới 8mm đặt tại giữa bể; trong bể đập bụi nước bằng hệ thống giàn phun nước phía trên đỉnh). Phương án xử lý khí thải và bụi tại đây là sử dụng sàng lọc bụi mắt nhỏ kết hợp đập nước sẽ làm cho bụi bắn rơi xuống đáy, khí sạch bay lên. Khí đi ra khỏi bể là không khí sạch theo đường ống khói và thải ra ngoài. Nước được bơm tuần hoàn.

Tại lò hơi 02: Khí thải sau khi ra khỏi buồng đốt theo ống thải được quạt hút ly tâm vận chuyển không khí qua bể đập bụi 01 (có lớp lưới lọc inox 304 lỗ 10mm kết hợp giàn phun nước) sau đó qua bể đập bụi 02 (có lớp lưới lọc inox 304 lỗ 10mm kết hợp giàn phun nước). Sau đó khí thải được đưa đến hệ thống xử lý khí thải lò hơi 01 – bể đập bụi 04 (bao gồm: 01 sàng dạng mắt lưới 8mm đặt tại giữa bể; trong bể đập bụi nước bằng hệ thống giàn phun nước phía trên đỉnh). Phương án xử lý khí thải và bụi tại đây là sử dụng sàng lọc bụi mắt nhỏ kết hợp đập nước sẽ làm cho bụi bắn rơi xuống đáy, khí sạch bay lên. Khí đi ra khỏi bể là không khí sạch theo đường ống khói và thải ra ngoài. Nước được bơm tuần hoàn.

Hàng ngày, công nhân sẽ tháo nước từ đáy tháp, tro bụi được thu gom như chất thải rắn thông thường, nước thải bắn sẽ đưa về hệ thống xử lý nước thải.

Bảng 16 Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật
1	Đường ống thu gom	- Kích thước: 500 mm - Vật liệu: Tôn mạ kẽm - Dài 20m
2	Bể đập bụi nước 01	- Kích thước: đường kính 1600mm, cao 3.500 mm - 02 sàng lọc có mắt lưới 10 mm - 01 giàn phun nước - 01 bơm phun nước 0,75 kW - Số lượng: 01 bể
3	Bể đập bụi nước 02	- Kích thước: đường kính 1600mm, cao 3.500 mm - 02 sàng lọc có mắt lưới 10 mm - 01 giàn phun nước - 01 bơm phun nước 0,75 kW - Số lượng: 01 bể
4	Bể đập bụi nước 03	- Kích thước: 1600x1600x3.200 mm - 01 sàng lọc có mắt lưới 8mm - 01 giàn phun nước - 01 bơm phun nước 0,75 kW - Số lượng: 01 bể
5	Bể đập bụi nước 04	- Kích thước: 1600x1600x3.200 mm - 01 sàng lọc có mắt lưới 8mm - 01 giàn phun nước - 01 bơm phun nước 0,75 kW - Số lượng: 01 bể
6	Quạt hút	- Công suất: 15 kW - Lưu lượng: 16.000 m³/h - Điện áp: 380v - Số lượng: 2 cái
7	Ống thoát khí	- Đường kính: Φ600mm - Vật liệu: Tôn mạ kẽm - Dài 15m - Số lượng: 02

❖ **Quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải**

• **Kiểm tra trước khi vận hành**

- Kiểm tra tổng thể hệ thống: Ống dẫn, quạt hút, bơm, van xả có hoạt động bình thường không?
- Kiểm tra lượng nước: Đảm bảo trong bể lọc có đủ mức nước yêu cầu.
- Kiểm tra nguồn điện: Đảm bảo hệ thống được cung cấp điện ổn định.

• **Khởi động và vận hành hệ thống Lọc bụi**

- Sau khi bước kiểm tra trước vận hành đạt ta bắt đầu cho Lò hơi hoạt động và đồng thời bật hệ thống theo trình tự: Quạt hút khởi động trước để tạo luồng khí ổn định, sau đó mới kích hoạt bộ lọc.
- Tiếp đến cho bật tất cả các hệ thống bơm phun sương ở tất cả các bể.
- Theo dõi hoạt động ban đầu: Quan sát tốc độ dòng khí, tiếng ồn bất thường, độ rung của quạt hút và bơm phun.
- Trong quá trình vận hành không được tắt bất kỳ một bơm nào trong hệ thống, (nếu tắt sẽ làm giảm đi hiệu suất và dễ gây ra tình trạng tắc sàng lưới bên trong bể).
- Giám sát hoạt động của quạt hút: Đảm bảo động cơ không quá tải, nhiệt độ quạt trong mức an toàn.
- Kiểm tra hiệu suất lọc bụi: Quan sát lượng bụi tích tụ trong thùng chứa để đánh giá hiệu quả.
- Trong thời gian hoạt động phải chú ý kiểm tra và bổ sung thêm lượng nước vào bể để đạt mức yêu cầu.

• **Xả bụi và vệ sinh định kỳ**

- Xả bụi đúng quy trình: Dừng hệ thống trước khi xả bụi để tránh phát tán bụi ra môi trường.
- Kiểm tra: Định kỳ chúng ta nên vệ sinh và thay thế nước trong bể.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a) **Chất thải rắn sinh hoạt**

- Chất thải sinh hoạt chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy được phát sinh từ khu vực nhà văn phòng, phòng ăn. Công ty có các biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt như sau:

+ Chất thải có khả năng tái chế như vỏ nhựa, vỏ lon, giấy văn phòng, ...: Thu gom tại khu vực chứa rác thông thường.

+ Chất thải không có khả năng tái chế như nilon, thức ăn thừa, rau, quả ...: Thu gom, tập trung tại khu vực tập kết rác sinh hoạt tại tường rào gần cổng công ty. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường đô thị Xuân Mai tại Hợp đồng vệ sinh môi trường số 05/2024-2026/HĐ-VSMT/TTP ký ngày 31/12/2023 về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt.

+ Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có dung tích 20- 80 lít bằng nhựa có nắp đậy để thu gom, lưu giữ, phân loại rác trong khu vực văn phòng, khu vệ sinh, nhà xưởng.... Giao tổ vệ sinh Công ty có trách nhiệm thu gom, tập kết rác thải sinh hoạt tập trung về khu vực tập kết rác sinh hoạt tại tường rào gần cổng công ty hàng ngày. Khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 43,2 m³/năm.

- Tần suất thu gom chất thải: 2-3 lần/tuần.

b) **Chất thải rắn thông thường**

Trong quá trình sản xuất, Công ty phát sinh chủ yếu là các thùng chứa hương liệu, bao bì đựng đường, bao bì lỗi.....

Toàn bộ lượng chất thải rắn của Công ty được phân loại theo bảng hướng dẫn phân loại rác của Công ty và được chứa vào các thùng riêng, có dán nhãn trong kho chứa. Các loại rác không tái chế được sẽ thu gom cùng với rác thải sinh hoạt. Các loại rác tái chế được sẽ đưa về kho lưu giữ.

Kho lưu chứa: có diện tích 3 m² đặt cạnh khu vực tường rào cuối Công ty. Nhà kho được lợp tôn, tường bao tôn và ngăn cách với khu vực lưu giữ chất thải khác.

Công ty sẽ ký hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng thu gom theo đúng quy định.

Bảng 17 Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

STT	Tên Chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Thùng, can nhựa không chứa TPNH	15
2	Giấy vụn, bìa carton thải bỏ	2
3	Bao bì nilon không chứa TPNH	3
Tổng cộng		20

4. Biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại

- Trong quá trình hoạt động sản xuất sẽ phát sinh chất thải nguy hại như: giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, dầu thải...được thu gom về kho lưu giữ chất thải nguy hại.

Bảng 18 Khối lượng CTNH phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Hộp mực in đã qua sử dụng	08 02 04	Rắn	10
2	Giẻ lau dính TPNH	18 02 01	Rắn	45
3	Bao bì cứng bằng kim loại chứa TPNH	18 01 02	Rắn	60
4	Bao bì cứng bằng nhựa chứa TPNH	18 01 03	Rắn	55
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	4
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	200
Tổng				374

- Việc quản lý chất thải nguy hại bắt buộc sẽ thực hiện theo các quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ Cơ sở sẽ được tách riêng với các loại chất thải khác ngay tại nguồn, bằng việc cho vào các thùng có nắp đậy riêng biệt trên có dán nhãn cảnh báo.

- Tần suất thu gom chất thải nguy hại tối thiểu: 1 năm/1 lần (tùy thuộc vào CTNH thực tế phát sinh).

- Vị trí lưu giữ chất thải nguy hại: Kho lưu chứa có diện tích 3 m² đặt cạnh khu vực tường rào cuối Công ty. Nhà kho được lợp tôn, tường bao tôn và ngăn cách với khu vực lưu giữ chất thải khác.

- Phương án để xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại Công ty được cam kết như sau: Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường công nghệ cao Hòa Bình (Hợp đồng đính kèm tại Phụ lục tại báo cáo).



Hình ảnh khu vực chứa rác của cơ sở

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung

Để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung tới môi trường và sức khỏe của công nhân trực tiếp sản xuất, Cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho mỡ bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.
- Đối với người lao động tại những khu vực sản xuất có độ ồn cao phải được trang bị các thiết bị giảm âm chống ồn nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp mắc phải.
- Thực hiện các chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian làm việc đối với người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao.
- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở để giảm tiếng ồn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi cơ sở đi vào vận hành

(1) Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ

- Nhận thức được mỗi nguy hiểm của sự cố cháy nổ, Công ty đã xây dựng hệ thống PCCC theo đúng quy định hiện hành về Luật PCCC.

Nhận thức được mỗi nguy hiểm của sự cố cháy nổ, Công ty đã xây dựng hệ thống PCCC theo đúng hồ sơ đã được thẩm duyệt của cơ quan chức năng. Hệ thống phòng cháy chữa cháy bao gồm những thành phần cơ bản sau:

- + Hệ thống báo cháy tự động.
- + Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn exit.
- + Hệ thống chữa cháy vách tường và trụ chữa cháy ngoài nhà kết hợp với hệ thống chữa cháy Sprinkler: 01 hệ thống
- + Trang bị các bình chữa cháy tại chỗ cho công trình.
- + Bể nước PCCC.

Ngoài ra Công ty còn chú trọng thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố PCCC như sau:

- Xây dựng nội quy, quy định về phòng cháy chữa cháy.
- Thành lập lực lượng PCCC cơ sở theo quy định.
- Hàng năm lập và tổ chức thực tập PCCC cho cán bộ công nhân trong Nhà máy.
- Kiểm tra định kỳ mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn (báo cháy, chữa cháy...) và có các biện pháp thay thế kịp thời.
- Duy trì điều kiện an toàn PCCC để đảm bảo yêu cầu PCCC.
- Nguyên liệu và sản phẩm được sắp xếp gọn gàng, xa khu vực có nguồn điện.
- Nghiêm cấm công nhân không được hút thuốc hay mang chất gây cháy vào khu vực sản xuất, kho nguyên liệu.

* Hệ thống chống sét

Các nhà xưởng sẽ được lắp đặt các hệ thống chống sét trên mái nhà và lắp hệ thống chống sét cho các vị trí cao của khu vực cơ sở.

- Lắp đặt hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ và hệ thống cải tiến theo các công nghệ mới nhằm đạt độ an toàn cao nhất cho các hoạt động của Nhà máy.

- Điện trở tiếp đất xung kích $\leq 4\Omega$ khi điện trở suất của đất $< 50.000 \Omega/\text{cm}^2$. Điện trở tiếp đất xung kích $\geq 4\Omega$ khi điện trở suất của đất $> 50.000 \Omega/\text{cm}^2$.

- Sử dụng loại thiết bị chống sét tích cực, các trụ chống sét được bố trí để bảo vệ khắp cơ sở với độ cao bảo vệ tính toán là 10 - 14m.

(2) Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động

Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng:

- Vòi nước xả rửa khi có sự cố, tủ thuốc, bình cung cấp oxy;
- Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty, cứu hỏa,...
- Cung cấp thông tin và hướng dẫn cho công nhân về cách bảo quản và sử dụng an toàn chất nguy hại;

- Thường xuyên kiểm tra việc dán nhãn và dán bản hướng dẫn sử dụng an toàn đối với từng loại chất sử dụng;

- Cung cấp và thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân như: găng tay, giày ủng, dụng cụ bảo vệ mắt,...

- Kiểm tra sức khỏe của công nhân định kỳ;

- Thực hiện luân chuyển công nhân tại các khâu sản xuất;

- Quy định và kiểm tra thường xuyên nội quy nơi làm việc của công nhân;

- Định kỳ đánh giá và tập luyện những phương án khẩn cấp (chống cháy, nổ, rò rỉ hóa chất,...).

(3) Biện pháp an toàn giao thông

Việc vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm cần sử dụng đến các phương tiện giao thông vì vậy cần phải có các giải pháp an toàn giao thông như sau:

+ Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và hàng hóa theo giờ.

+ Tránh vận chuyển vào giờ cao điểm.

+ Bố trí cổng ra vào bằng cổng dùn để đảm bảo thông thoáng vào giờ cao điểm.

+ Xây dựng nhà để xe và phân khu cụ thể đối với từng chủng loại xe.

(4) Biện pháp an toàn thực phẩm và ứng phó với dịch bệnh

Chủ đầu tư sẽ tăng cường kiểm tra an toàn thực phẩm và vệ sinh ăn uống, chống lây lan dịch bệnh cho công nhân. Thực phẩm cung cấp cho công nhân phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng đảm bảo tươi ngon. Không dùng thực phẩm không có nguồn gốc và xuất xứ tránh hiện tượng ngộ độc thực phẩm xảy ra ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân và toàn bộ hoạt động sản xuất trong nhà máy.

Trong thời gian có các dịch bệnh lây lan tất cả cán bộ công nhân viên và khách ra vào nhà máy phải đeo khẩu trang hạn chế tối đa việc phát sinh dịch bệnh trong công ty. Những trường hợp phát hiện bệnh dịch sẽ cho nghỉ để hạn chế lây lan cho các cán bộ công nhân khác trong công ty, ảnh hưởng tới hiệu quả sản xuất.

Trong trường hợp có người bị ngộ độc thực phẩm do thức ăn tại Công ty sẽ đưa đi cấp cứu tại bệnh viện gần nhất và chi trả mọi chi phí điều trị.

Thường xuyên vệ sinh nơi làm việc và phòng thay đồ nhân viên, khu vệ sinh chung tránh các bệnh truyền nhiễm có cơ hội bùng phát. Có thể phun thuốc khử trùng tất cả các nơi làm việc trong đợt có dịch bệnh truyền nhiễm.

(5) Giảm thiểu tác động tác nghẽn, bị vỡ của hệ thống thu gom

Thường xuyên nạo vét các hệ thống thoát nước của cơ sở tránh hiện tượng úng lụt cục bộ xảy ra trong thời gian mưa lớn kéo dài nhiều giờ.

Có các biện pháp che chắn và đề phòng khi có gió lớn như bão xảy ra trong khu vực tránh thiệt hại về người và tài sản trong mùa mưa bão.

(6) Giảm thiểu tác động khi xảy ra sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng để xử lý triệt để nước thải phát sinh của Cơ sở trong quá trình hoạt động sinh hoạt và sản xuất. Trong quá trình thiết kế, xây

dụng không đảm bảo hoặc vận hành không đúng quy trình thiết kế sẽ gây ra các sự cố hư hỏng, hoặc nước thải đầu ra không đạt tiêu chuẩn yêu cầu. Chủ đầu tư hết sức chú ý, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định Nhà nước để không xảy ra các sự cố đáng tiếc.

Chủ đầu tư đề ra biện pháp giảm thiểu tác động khi xảy ra sự cố liên quan đến vận hành hệ thống xử lý nước thải như sau:

Stt	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1.	Tràn bể lọc	1. Tắc tầng lọc bề phía trước 2. Tắc đường ống dẫn nước sang bể phía sau 3. Bơm hoạt động quá công suất	1. Rửa tầng lọc 2. Vệ sinh đường ống dẫn nước 3. Kiểm tra và chiết van điều chỉnh đầu vào bể thiếu khí
2.	Các sự cố liên quan tới các thiết bị sử dụng điện.	- Các thiết bị sử dụng điện như: máy thổi khí, bơm chìm, bơm cạn có thể phát sinh các sự cố trong khi vận hành. - <u>Chú ý:</u> Cần kiểm tra đầy đủ các khả năng dò điện của thiết bị ra vỏ, ra kết cấu giá đỡ, ra môi trường xung quanh trước khi tháo dỡ, can thiệp vào thiết bị. Sử dụng đầy đủ các dụng cụ bảo hộ, an toàn về điện theo tiêu chuẩn khi thao tác. - Kiểm tra tình trạng hoạt động của các phao báo mức của thiết bị.	
3.	Các sự cố khác liên quan tới chất lượng nước thải.	- Các hiện tượng bất thường quan sát được trong nước thải sau khi ra khỏi hệ thống xử lý, hoặc trong từng giai đoạn xử lý như: nước đục, màu bất thường, mùi khó chịu, cần lấy mẫu nước tại vị trí và thời điểm quan sát được hiện tượng bất thường, sau đó liên hệ với đơn vị tư vấn công nghệ.	

(7) Giảm thiểu tác động khi xảy ra sự cố vận hành lò hơi

Công ty triển khai thực hiện các biện pháp ứng cứu sự cố đối với lò hơi được lắp đặt. Cụ thể như sau:

- Lò hơi đã được kiểm định theo quy định của Thông tư 32/2011/TT – BLĐTBXH ngày 14/11/2011 Hướng dẫn thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu 36 ngăt về an toàn lao động.

- Người phụ trách lò hơi phải có chứng chỉ về an toàn lao động

- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp an toàn lò hơi được quy định tại Quyết định số 64/2008/BLĐTBXH về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lao động lò hơi và bình chịu áp lực.

- Chất lượng nước cấp cho lò hơi phải giảm bảo đúng quy định của người thiết kế, chế tạo nhưng không được thấp hơn tiêu chuẩn Việt Nam về kỹ thuật an toàn hiện hành cho loại lò hơi đó.

Người vận hành lò hơi, bình chịu áp lực phải lập sổ theo dõi quản lý lò hơi, bình chịu áp lực trong đó bắt buộc có các nội dung quản lý như: Lịch bảo dưỡng, tu sửa, kiểm tra vận hành, kiểm định... Tổ chức thực hiện kiểm tra vận hành, kiểm định đúng thời hạn.

- Khi sửa chữa các bộ phận bên trong của lò hơi, bình chịu áp lực phải tuân thủ các quy định về an toàn điện hạ áp; đèn điện dùng để chiếu sáng có điện áp không quá 12V.

- Không đưa vào vận hành lò hơi đã quá thời hạn kiểm định. Không cho phép sử dụng áp kế chưa được kiểm định hoặc đã quá thời hạn kiểm định; van an toàn không bảo đảm, mất niêm phong hoặc chưa được kiểm định hiệu chỉnh hoặc đã quá thời hạn kiểm định (đối với các van an toàn của bình chịu áp lực, bồn bể, chai làm việc hoặc chứa các môi chất độc hại, dễ cháy nổ mà không cho phép kiểm tra hoạt động của chúng thường xuyên).

- Tại nơi đặt lò hơi, bình chịu áp lực phải có bảng tóm tắt quy trình vận hành và xử lý sự cố treo ở vị trí phù hợp sao cho người vận hành dễ thấy, dễ đọc nhưng không làm ảnh hưởng đến việc vận hành.

- Có biện pháp bảo vệ chống sét an toàn cho lò hơi, đặt cố định; trang bị các phương tiện chữa cháy cần thiết theo quy định của cơ quan phòng cháy, chữa cháy. Xây dựng phương án, tổ chức chữa cháy khi có cháy, nổ xảy ra.

7. Các công trình bảo vệ môi trường khác: Không có

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi: Không có

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có

10. Các nội dung thay đổi so với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Hạng mục	Theo Giấy xác nhận KHBVTM số 03/GXN-STNMT-CCBVTM ngày 07/01/2022	Tại thời điểm xin cấp giấy phép môi trường	Ghi chú
1	Nhà điều hành	351,92 m ²	276 m ²	Trong quá trình thi công các hạng mục, Công ty có điều chỉnh lại diện tích một số hạng mục để phù hợp với nhu cầu của Công ty
2	Bếp và nhà ăn công nhân	269,24 m ²	224 m ²	
3	Nhà xưởng 1 (Nay là xưởng 2 theo thực tế)	4610,09 m ²	4.983 m ²	
4	Nhà xưởng 2 (nay là xưởng 1 theo thực	3187,52 m ²	3.504 m ²	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

	tế)			
5	Hệ thống xử lý nước thải	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m ³ /ngày đêm với 3 modul	Đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m ³ /ngày đêm	Hiện nay, công ty sẽ cải tạo nâng công suất hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m ³ /ngày đêm
6	Quy trình công nghệ xử lý nước thải	Quy trình: Nước thải -> Bể điều hòa -> Bể lọc vi sinh yếm khí -> Bể lọc vi sinh hiếu khí -> Bể lọc trong -> Khử trùng-> Xả thải	Quy trình: Nước thải -> Bể điều hòa -> Bể phản ứng -> Bể lọc vi sinh yếm khí -> Bể lắng vi sinh -> Bể trung gian-> Bể lọc vi sinh hiếu khí -> Bể lọc trong -> Khử trùng-> Xả thải	Nhằm đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt quy chuẩn cho phép, Công ty đã thêm một số bước trong quy trình xử lý nước thải.
7	Quy trình công nghệ xử lý khí thải	Quy trình: Khí thải lò hơi -> bể lọc uớt-> quạt hút-> tháp hấp thụ (bằng dung dịch vôi sữa)-> ống khói	Quy trình: Khí thải lò hơi -> quạt hút-> Sàng lọc bụi -> đập bụi nước > ống khói	Lò hơi của Công ty dùng củi gỗ để làm nguyên liệu đốt. Nên thành phần ô nhiễm của khí thải không quá lớn. Nên quy trình hiện tại của cơ sở vẫn đảm bảo xử lý khí thải đầu ra đạt quy chuẩn cho phép

Cơ sở không tăng quy mô công suất so với Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường số 03/GXN-STNMT-CCBVMT ngày 07/01/2022 của Sở Tài nguyên và môi trường Hà Nội phê duyệt dự án Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát.

CHƯƠNG 4: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nước thải sinh hoạt (từ nhà bếp, nhà vệ sinh) (nguồn số 01, 02, 03) phát sinh thu gom về 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 60m³/ngày đêm của Công ty.

Nước thải sản xuất là nước làm mát quá trình hấp sản phẩm lon, nước rửa máy móc thiết bị, nước vệ sinh sàn, nước thải đập bụi, nước làm mát (nguồn số 04, 05, 06, 07, 08). Nước thải thu gom về 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 60m³/ngày đêm của Công ty.

Công ty đã ký hợp cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty cổ phần thương mại dịch vụ địa chất tại Hợp đồng số 19/HĐ-XLNT ký ngày 01/06/2019. (Công ty cổ phần thương mại dịch vụ địa chất đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai).

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu văn phòng.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực bếp và nhà nghỉ của công nhân.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực bếp ăn tập thể.
- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình vệ sinh nhà xưởng sản xuất.
- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa vệ sinh máy móc, thiết bị.
- Nguồn số 06: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình làm mát của lò hấp sản phẩm lon.
- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ quá trình đập bụi ướt của khí thải lò hơi.
- Nguồn số 08: Nước thải phát sinh từ quá trình làm mát của quá trình thổi chai.
- Nguồn số 09: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa ngược của hệ thống lọc nước RO.

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả nước thải tối đa 60 m³/ngày.đêm.

1.3. Dòng nước thải

Dòng nước thải số 01: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải được thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Thạch Thất – Quốc Oai qua 1 điểm đầu nối có vị trí (X(m) = 2323889, Y (m) = 565994; tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰, múi chiều 3⁰).

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt tiêu chuẩn đầu nối với KCN Thạch Thất – Quốc

Oai, cụ thể như sau:

Bảng 19 Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Tiêu chuẩn đầu nối với KCN Thạch Thất – Quốc Oai
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Độ màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5-9
4	BOD ₅	mg/l	50
5	COD	mg/l	150
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)*	mg/l	10
7	Tổng N	mg/l	40
8	Tổng P	mg/l	6
9	TSS	mg/l	100
10	As	mg/l	0,1
11	Hg	mg/l	0,01
12	Pb	mg/l	0,5
13	Cd	mg/l	0,1
14	Cr ⁶⁺	mg/l	0,1
15	Cr ³⁺	mg/l	1
16	Cu	mg/l	2
17	Zn	mg/l	3
18	Ni	mg/l	0,5
19	Mn	mg/l	1
20	Fe	mg/l	5
21	Tổng Xianua	mg/l	0,1
22	Tổng Phenol	mg/l	0,5
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
24	Sunfua	mg/l	0,5
25	Florua	mg/l	10
26	Clorua	mg/l	1000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng PCB	mg/l	0,01

29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	µg/l	0,1
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	µg/l	1
31	Coliform	MPN/100ml	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β.	Bq/l	1

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Từ hệ thống xử lý khí thải của lò hơi số 01.
- Nguồn số 02: Từ hệ thống xử lý khí thải của lò hơi số 02.

2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa

- Dòng khí thải số 01 (nguồn số 01): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 16.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02 (nguồn số 02): Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 16.000 m³/giờ.

2.3. Dòng khí thải

Công ty đề nghị cấp phép 02 dòng khí thải bao gồm:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói sau hệ thống xử lý khí thải số 01 (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X (m) = 2.324.025; Y (m) = 565.992.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 02 (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X (m) = 2.324.019; Y (m) = 565.988.

(Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰)

2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ($K_p = 1$ áp dụng đối với nguồn thải có lưu lượng khí thải ≤ 20.000 m³/h, $K_v = 0,9$ đối với thông số Bụi tổng; Lưu huỳnh đioxit, SO₂; Nitơ oxit, NO_x (tính theo NO₂), $K_v = 1$ đối với thông số Cacbon oxit CO, cụ thể như sau:

Bảng 20 Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	16.000		
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000		
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	450		

5	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	765		
---	-------------------------------------	--------------------	-----	--	--

(*)(**): Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 và Khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Ghi chú: kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp và các Quy chuẩn địa phương (nếu có).

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ dây chuyền sản xuất nước giải khát nhà xưởng số 01.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ dây chuyền thổi chai nhựa PET nhà xưởng số 02.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 2.323.976; Y = 566.003.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 2.324.021; Y = 566.044.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00' múi chiếu 3°)

3.2. Giới hạn đối với tiếng ồn độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

a) Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	

b) Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	

CHƯƠNG 5: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Theo Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 03/GXN-STNMT-CCBVMT ngày 07/01/2022 của Sở Tài nguyên và môi trường –UBND thành phố Hà Nội cho dự án: Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát. Chương trình giám sát môi trường như sau:

STT	Hạng mục	Tần suất quan trắc	Nội dung
1	Giám sát chất lượng nước thải	2 lần/năm	Do quá trình chuyển giao người tiếp nhận. Công ty không rõ việc thực hiện, nên khi nắm được quy định đã thực hiện quan trắc vào tháng 11/2024.
2	Giám sát chất lượng khí thải lò hơi	2 lần/năm	Do quá trình chuyển giao người tiếp nhận. Công ty không rõ việc thực hiện, nên khi nắm được quy định đã thực hiện quan trắc vào tháng 11/2024.
3	Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại		Công ty đã thu gom, phân loại, lưu giữ các chất thải theo quy định và ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng đến thu gom, xử lý
4	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường cuối năm		Công ty hoàn thiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường cuối năm 2024 và gửi cơ quan có thẩm quyền

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

Hiện tại, Công ty đã hệ thống xử lý nước thải và mới có đồng hồ đo lưu lượng nước thải từ tháng 12/2024.

Kết quả quan trắc đối với nước thải của cơ sở được thể hiện chi tiết dưới bảng sau:

Bảng 21 Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý của cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCTĐHN 02:2014/BTNMT
1	Nhiệt độ	°C	24,7	40
2	pH	-	7,77	5,5-9

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

3	Màu	Pt/Co	85	150
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	49,8	50
5	COD	mg/l	131	150
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)*	mg/l	0,04	10
7	Tổng N	mg/l	<6	40
8	Tổng P	mg/l	<0,06	6
9	TSS	mg/l	87	100
10	As	mg/l	<0,003	0,1
11	Hg	mg/l	<0,0009	0,01
12	Pb	mg/l	<0,006	0,5
13	Cd	mg/l	<0,0009	0,1
14	Cr ⁶⁺	mg/l	0,069	0,1
15	Cr ³⁺	mg/l	<0,009	1
16	Cu	mg/l	<0,045	2
17	Zn	mg/l	0,065	3
18	Ni	mg/l	<0,009	0,5
19	Mn	mg/l	0,126	1
20	Fe	mg/l	3,21	5
21	Tổng Xianua	mg/l	<0,006	0,1
22	Tổng Phenol	mg/l	<0,003	0,5
23	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	1,6	10
24	Florua	mg/l	<0,06	10
25	Clorua	mg/l	19,7	1000
26	Clo dư	mg/l	<0,15	2
27	Coliform	MPN/100ml	3.100	5.000

Nhận xét:

Căn cứ vào kết quả quan trắc và phân tích mẫu nước thải cho thấy nồng độ các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo **QCTĐHN 02:2014/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội cột B.

3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Kết quả quan trắc đối với khí thải của Công ty được thể hiện chi tiết dưới bảng sau:

Bảng 22. Kết quả quan trắc khí thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCTĐHN 01:2014/BTNMT
			KT01	KT02	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	45,1	50,3	200
2	Nitơ oxit (NO _x) (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	187,993	189,498	850
3	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	135,182	153,512	1.000
4	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	KPH [#]	KPH [#]	500
5	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	<12	<12	50

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.
- (#): Không phát hiện theo giới hạn đo của máy;
- (-): Không quy định;
- KT01: Nắp thăm tại ống xả khí thải lò hơi 01
- KT02: Nắp thăm tại ống xả khí thải lò hơi 02

Nhận xét:

So sánh kết quả phân tích chất lượng khí thải sau xử lý của Cơ sở cho thấy: Tất cả các thông số ô nhiễm đều nằm trong ngưỡng cho phép so với QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.

CHƯƠNG 6: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

1. Kế hoạch vận hành công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

STT	Tên công trình	Công suất	Thời gian VHTN	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc VHTN
1	Hệ thống xử lý nước thải	60 m ³ /ngày đêm	Dự kiến từ tháng 02/2026 đến hết tháng 04/2026 (03 tháng)	70-80% công suất
2	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 01	16.000 m ³ /h	Dự kiến từ tháng 02/2026 đến hết tháng 04/2026 (03 tháng)	100% công suất
3	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 02	16.000 m ³ /h	Dự kiến từ tháng 02/2026 đến hết tháng 04/2026 (03 tháng)	100% công suất

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải

Kế hoạch quan trắc chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải được thực hiện căn cứ theo khoản 5 điều 21 thông tư 02:2022/BTNMT Thông tư quy định hướng dẫn luật BVMT, việc quan trắc chất thải do chủ đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Kế hoạch quan trắc nước thải, khí thải tại cơ sở như sau:

Thời gian dự kiến lấy mẫu: Tháng 3/2026

STT	Thời gian dự kiến lấy mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Quy chuẩn so sánh
I	Công trình xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày đêm			
1	Lấy 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải	01 mẫu đơn: nước thải đầu vào tại bể gom và 01 mẫu đơn nước thải sau xử lý tại hồ ga nước sau xử lý.	Lưu lượng, Nhiệt độ, Độ màu, pH, Chất rắn lơ lửng (SS), BOD ₅ (20°C), COD, As, Cd, Hg, Pb, Cr (VI), Cr (III), Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, CN ⁻ , Tổng phenol, Tổng dầu mỡ khoáng, Sunfua (tính theo H ₂ S), Florua (F ⁻), Amoni (tính theo N), Tổng N, Tổng P, Clorua (Cl ⁻), clo	Tiêu chuẩn của Khu công nghiệp Thạch Thất Quốc Oai

			dư, Tổng HCBVTV clo hữu cơ, Tổng HCBVTV phot pho hữu cơ, Tổng PCB, Tổng Coliform, Tổng hoạt độ phóng xạ α , Tổng hoạt độ phóng xạ β .	
II Công trình xử lý khí thải lò hơi				
1	Lấy 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải số 01	01 mẫu đơn: mẫu khí thải sau xử lý	Lưu lượng, Bụi tổng, CO (carbon oxit), SO ₂ (Lưu huỳnh dioxit), Nito oxit NO _x (tính theo NO ₂).	QCĐTHN 01:2014/BTNMT, cột B, (Kp=0,9 và Kv=1 đối với thông số CO; Kp=1 và Kv=0,9 đối với thông số bụi tổng, SO ₂ , Nito oxit, NO _x (tính theo NO ₂))
2	Lấy 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải số 02	01 mẫu đơn: mẫu khí thải sau xử lý	Lưu lượng, Bụi tổng, CO (carbon oxit), SO ₂ (Lưu huỳnh dioxit), Nito oxit NO _x (tính theo NO ₂).	QCĐTHN 01:2014/BTNMT, cột B, (Kp=0,9 và Kv=1 đối với thông số CO; Kp=1 và Kv=0,9 đối với thông số bụi tổng, SO ₂ , Nito oxit, NO _x (tính theo NO ₂))

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 và điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng nước thải và bụi, khí thải phát sinh.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 và điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước thải và bụi, khí thải phát sinh.

CHƯƠNG 7: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát cam kết:

- Những nội dung được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn chính xác, trung thực.
- Tuân thủ Luật bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước và các quy định nhà nước về bảo vệ môi trường hiện hành;
- Tuân thủ theo các quy định nội bộ của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai;
- Vận hành mạng lưới thu gom và trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo toàn bộ các loại nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn của Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai;
- Vận hành thử nghiệm các công trình chất thải theo kế hoạch;
- Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị đủ chức năng để xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;
- Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và các công trình xử lý khí thải và chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường;
- Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành cơ sở, tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường của nhà nước và UBND thành phố Hà Nội;
- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết;
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì và kiểm tra các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý khí thải.
- Thực hiện đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý nước thải, khí thải;
- Không có hệ thống xả nước thải, khí thải nào khác các hệ thống được đề nghị cấp phép;
- Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy và vệ sinh hệ thống thu gom và thoát nước.
- Có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời và có trách nhiệm trong việc giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;
- Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước.
- Dừng ngay hoạt động xả thải để xử lý, đồng thời có trách nhiệm báo cáo đến cơ quan chức năng ở địa phương để xin ý kiến chỉ đạo kịp thời trong trường hợp xảy ra sự

cố gây ô nhiễm;

- Cam kết thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất theo Điều 119 Luật BVMT và Điều 66 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

~~Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường.~~

PHỤ LỤC BÁO CÁO



PHỤ LỤC BÁO CÁO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0500475957

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 12 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 08 tháng 11 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN TIEN PHAT TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đội 7B, Xóm Me Táo, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02433668155

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN BÁ VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/05/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 111413747

Ngày cấp: 24/04/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Xóm Chàng Chợ, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Chàng Chợ, Xã Dương Liễu, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Hữu Lương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN PHÁT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp
0500475957 do Phòng Đăng ký Kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà
Nội cấp; Đăng ký lần đầu ngày 20/12/2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày
12/10/2018

Địa chỉ trụ sở: Đội 7B, xóm Me Táo, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà
Nội.

CY 472950

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: , tờ bản đồ số:
- b) Địa chỉ: Một phần lô CN6, Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, thị trấn Quốc Oai - xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội
- c) Diện tích: 4187,8m², (bằng chữ: bốn nghìn một trăm tám mươi bảy phẩy tám mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- d) Mục đích sử dụng: Xây dựng văn phòng và nhà xưởng sản xuất
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 13/01/2056
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Được sử dụng diện tích 1.219,5m² đất giới hạn bởi các mốc: D1, D2, D3, D4, D5, D6 (thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 061686 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 19/6/2020) Công ty Cổ phần Thương mại Tân Tiến Phát tự nguyện sử dụng làm lối đi vào thửa đất được cấp Giấy chứng nhận này theo Văn bản số 25/2020/CV-TTP do Công ty Cổ phần Thương mại Tân Tiến Phát lập ngày 27/4/2020.

Hà Nội, ngày 07. tháng 10 năm 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TUQ. CHỦ TỊCH

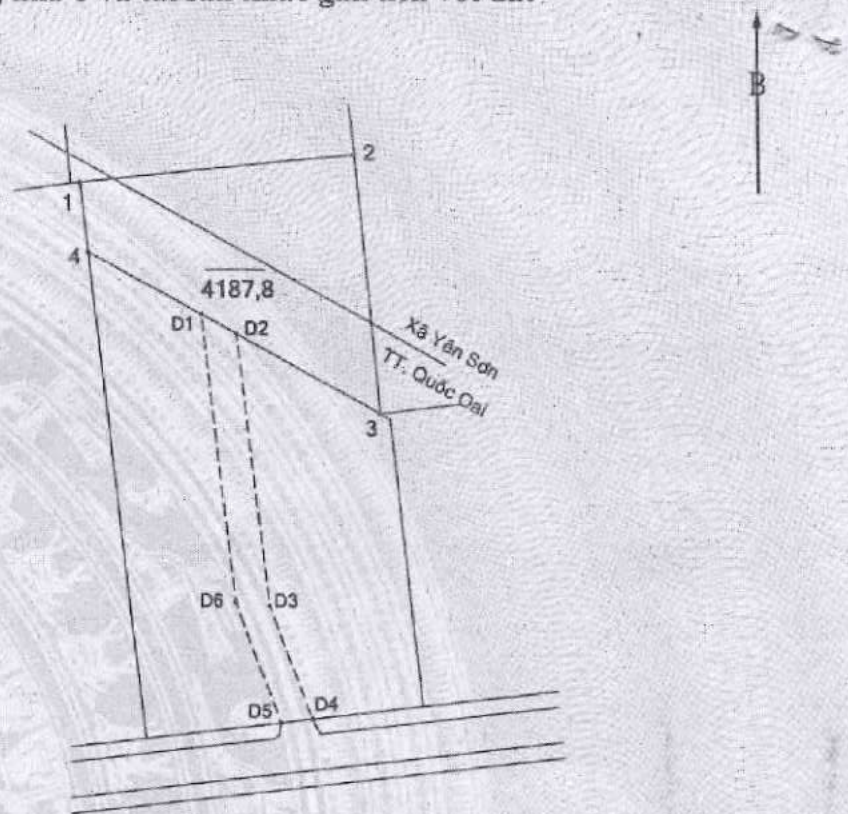
KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Nam

Số vào sổ cấp GCN: CT 10888

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



- Diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 4.187,8m² giới hạn bởi các mốc: 1, 2, 3, 4, 1.
- Phần diện tích 1.219,5m² đất giới hạn bởi các mốc: D1, D2, D3, D4, D5, D6, D1 (được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp tại GCN số CX 061686 ngày 19/6/2020. Công ty Cổ phần Thương mại Tân Tiến Phát tự nguyện sử dụng làm lối đi vào thửa đất bên trong theo Văn bản số 25/2020/CV-TTP ngày 27/4/2020

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

02/12/2020

Chúng nhận bổ sung quyền sở hữu công trình hiện
trạng trên đất theo Văn bản số 239/CCGĐXD-
GDAT ngày 03/11/2020 của Chi cục Giám định xây
dựng – Sở Xây dựng Hà Nội gồm: Nhà xưởng sản
xuất số 01: Diện tích sàn xây dựng : 521,9m²; Nhà
xưởng sản xuất số 02: Diện tích sàn xây dựng :
2.071,6m²



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thanh Nam



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số:

Tờ số bản đồ:

Tờ phát hành GCN: CY 472950

Số vào sổ cấp GCN: CT 10888

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số22..... Ngày .13 tháng .01 năm 2021
Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng
TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh
Hoài Đức, địa chỉ: Tòa nhà CT1A, Khu đô thị Tân
Tây Đô, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố
Hà Nội theo hồ sơ số 711235.TC.002.



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dương Thị Bích Ngọc

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số:

3
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN PHÁT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp
0500475957 do Phòng Đăng ký Kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà
Nội cấp; Đăng ký lần đầu ngày 20/12/2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày
12/10/2018

Địa chỉ trụ sở: Đội 7B, xóm Me Táo, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà
Nội.

CX 061686

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 142, tờ bản đồ số: 5
b) Địa chỉ: Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội
c) Diện tích: 10033,8m², (bằng chữ: mười nghìn không trăm ba mươi ba phẩy tám mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Làm cơ sở sản xuất
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 01/02/2035
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà điều hành- Nhà xưởng sản xuất

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà điều hành 01 tầng (bê tông cốt thép, mái tôn)	-/-	155,3	Sở hữu riêng	-/-	-/-
Nhà xưởng sản xuất 01 tầng (Khung thép, mái tôn)	-/-	525,5	Sở hữu riêng	-/-	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Giấy chứng nhận này được cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 395997 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tây cấp ngày 03/5/2007, theo Quyết định số 2603/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND thành phố Hà Nội.

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2020

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TUQ. CHỦ TỊCH

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Nam

Số vào sổ cấp GCN: CT-DA 01137

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

02/12/2020

Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu công trình hiện
trung trên đất theo Văn bản số 232/CCGĐXD-
GDAT ngày 30/10/2020 của Chỉ cục Giám định xây
dựng – Sở Xây dựng Hà Nội gồm: Nhà làm việc 03
tầng: Diện tích xây dựng: 276m²; Tổng diện tích
sàn sử dụng: 828m²; Nhà xưởng sản xuất số 01:
Diện tích sàn xây dựng : 2.634,4m²; Nhà xưởng sản
xuất số 02: Diện tích sàn xây dựng : 759m² ✓



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thanh Nam

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



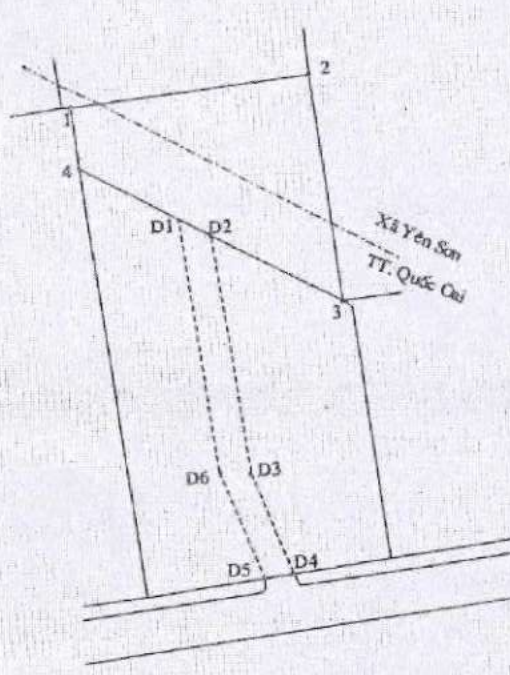
TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số:

Tờ số bản đồ:

Tờ phát hành GCN: CX 061686

Số vào sổ cấp GCN:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
07/10/2020 -Phần diện tích 1.219,5m² đất giới hạn bởi các mốc: D1, D2, D3, D4, D5, D6 (thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 061686 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 19/6/2020) được Công ty Cổ phần Thương mại Tân Tiến Phát tự nguyện sử dụng làm lối đi vào lô đất phía trong do Công ty thuê lại đất từ Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hà Tây tại Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng và thuê lại đất số 2006.2018/HĐTLĐ-HT ký ngày 20/06/2018. ✓ 	 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Lê Thanh Nam</i> 

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số Ngày 13... tháng 01 năm 2021.
Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng
TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài
Đức, địa chỉ: Tòa nhà CT1A, Khu đô thị Tân Tây Đô, xã
Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội theo hồ
sơ số 711215.TC.002.



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thị Bích Ngọc

(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03 /GXN-STNMT-CCBVM

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2022

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính mới, được thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát đã đăng ký xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường tại văn bản số 2912/CV-TTP ngày 29/12/2021;

Xét đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 02/TTr-CCBVM-TH ngày 05/01/2022,

XÁC NHẬN:

Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát (sau đây gọi là chủ Dự án) đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án: “Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát”.

Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN6, Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

Quy mô sản xuất: 936.000 lít sản phẩm/năm.

Quá trình thực hiện Dự án, Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký với thời hạn hoàn thành như sau:
 - Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 60 m³/ngày đêm. Thời gian hoàn thành dự kiến: Quý IV/2022.
 - Hệ thống xử lý khí thải lò hơi (02 lò hơi). Thời gian hoàn thành: Quý IV/2022.
4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ với tần suất 06 tháng/lần; Vận hành liên tục, đúng quy trình và hiệu quả các công trình xử lý chất thải, các biện pháp bảo vệ môi trường đảm bảo đạt các quy chuẩn, quy định sau:
 - Nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.
 - Nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của Dự án phải được thu gom và xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B) Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.
 - Nước thải sản xuất phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án phải được thu gom và xử lý đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT (cột B) Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội và đạt giới hạn tiếp nhận nước thải theo hợp đồng XLNT thỏa thuận giữa chủ dự án và chủ đầu tư Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai trước khi đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp.
 - Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt các quy chuẩn: QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội.
 - Tiếng ồn và độ rung trong quá trình thực hiện Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung (Bảng 2 – Khu vực thông thường).

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện phương án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

- Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án phải được phân loại, thu gom, lưu trữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Chất thải rắn xây dựng phải được đổ thải đúng nơi quy định và ký hợp đồng với đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong công tác vận chuyển chất thải đến nơi tập kết theo quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường, chế độ báo cáo định kỳ hàng năm đã cam kết gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quốc Oai và chịu sự thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Báo cáo khi có kế hoạch tăng quy mô, công suất và những thay đổi khác trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận; chỉ được thực hiện sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của Dự án./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
 - Giám đốc Sở
 - PGD Sở Mai Trọng Thái;
 - UBND huyện Quốc Oai;
 - Công ty CPTM Tân Tiến Phát (để thực hiện);
 - Lưu: VT, CCBVMT (2).
- MHS 59728.CCMT

(để b/c):



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Mai Trọng Thái

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI
TÂN TIẾN PHÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1512/QĐ-TTP

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2021



QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật đầu tư số 31/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Điều lệ Công ty quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công ty cổ phần Thương mại Tân Tiến Phát;

Căn cứ Quyết định của Hội đồng quản trị và điều kiện thực tế của Công ty cổ phần Thương mại Tân Tiến Phát;

ÔNG NGUYỄN BÁ VINH – GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN PHÁT

QUYẾT ĐỊNH:

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

Cơ sở sản xuất nước giải khát Tân Tiến Phát

2. Mục tiêu dự án: Đầu tư Cơ sở sản xuất của Công ty dự kiến xây dựng với diện tích 14.221,6m² đặt tại một phần lô đất CN6, KCN Thạch Thất- Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Sản xuất nước giải khát với dây chuyền hiện đại, đồng bộ với công suất: 936.000 lít sản phẩm/năm, bao gồm nước giải khát các loại: giải khát hương cam, chanh leo, hương bí đao, me, nước tăng lực Goldber one/Red Gold, nước uống khiết đóng chai....

3. Quy mô dự án:

➤ **Quy mô về diện tích:**

Tuân thủ theo quy mô diện tích tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 061686 ngày 19/6/2020 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 472950 ngày 07/10/2020 tổng diện tích lô đất là 14.221,6m².

➤ **Quy mô về sản xuất:**

Sản xuất nước giải khát với công suất 936.000 lít/năm, gồm nước giải khát các loại: giải khát hương cam, chanh leo, hương bí đao, me, nước tăng lực Goldber one/Red Gold, nước uống khiết đóng chai....

➤ **Quy mô về lao động:**

Số lượng cán bộ nhân viên dự kiến làm việc cho nhà máy khoảng 300 người.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất CN6, Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng: 14.221,6 m² (Đất sản xuất công nghiệp)

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: Tổng vốn đầu tư của toàn dự án là 48.000.000.000 VND (Bốn mươi tám tỷ đồng), gồm có:

- Vốn tự có: 28.000.000.000 VND (Hai mươi tám tỷ đồng).

- Vốn vay ngân hàng: 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 30 năm kể từ khi đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

Stt	Hoạt động	Thời gian dự kiến
1	Hệ thống đường giao thông, mạng lưới cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải	Quý I tới Quý IV năm 2022
4	Nhà máy xử lý nước thải	Quý I tới Quý IV năm 2022
5	Hệ thống điện, viễn thông	Quý I tới Quý IV năm 2022
6	Xây dựng các khu nhà bảo vệ, nhà điều hành, nhà để xe công nhân, khu nhà bếp và nhà ăn khu nhà xưởng 1, 2 khu lò hơi	Quý I tới Quý IV năm 2022
7	Đi vào hoạt động khai thác kinh doanh	Quý I năm 2023

9. Công nghệ áp dụng: Công nghệ sản xuất hiện đại, tiên tiến, nhập khẩu đầy đủ.

Điều 4. Thời hạn hiệu lực của quyết định đầu tư kể từ ngày ký quyết định.

Điều 5. Quyết định này được lập thành 05 bản gốc; mỗi Phòng ban chức năng giữ 01 bản, mỗi thành viên HĐQT giữ 01 bản.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT;
- Phòng ban chức năng;



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Vinh

Số: 356 /TD-PCCC-CTPC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy; Điều 1 Thông tư số 36/2018/TT-BCA ngày 05/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số CV-2018/01/PCCC ngày 03/12/2018 của Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát.

Người đại diện là ông/bà: Hữu Thị Hương

Chức vụ: Phó Giám đốc

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN**

Công trình: Nhà máy sản xuất nước giải khát.
Địa điểm xây dựng: Khu công nghiệp Thạch Thất – Quốc Oai, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.
Chủ đầu tư: Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát.
Đơn vị thiết kế: Công ty cổ phần thương mại Tân Tiến Phát, Công ty cổ phần xây dựng An Phát.

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Khoảng cách PCCC, lối tiếp cận cho xe chữa cháy, bố trí mặt bằng, bậc chịu lửa, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan.

- Hệ thống báo cháy tự động, họng nước chữa cháy trong nhà, trang bị bình chữa cháy, phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

(Theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2).

Giấy chứng nhận thẩm duyệt này chỉ có giá trị đối với các yêu cầu về PCCC; quy mô và công năng sử dụng của công trình phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đồng ý theo quy định;

Chỉ được phép đưa công trình vào sử dụng sau khi thi công đúng thiết kế được thẩm duyệt và được cấp văn bản xác nhận nghiệm thu về PCCC theo quy định.

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2018

Nơi nhận:

- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Nguyễn Tuấn Anh – PGD;
- (để báo cáo)
- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Công an huyện Thạch Thất;
- (Công trình loại I)
- Lưu: VT, CTPC.

TRƯỞNG PHÒNG



Trung tá Phạm Trung Hiếu

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

[illegible]

Mẫu số PC12

**CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 716 /NT-PCCC
V/v chấp thuận kết quả
nghiệm thu về PCCC

Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2025

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Tân Tiến Phát.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và Chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 356/TDPCCC-CTPC ngày 12/12/2018, văn bản thẩm duyệt đối với hồ sơ thiết kế cải tạo về PCCC số 1167/TD-PCCC&CNCH ngày 05/8/2024, văn bản thẩm duyệt đối với hồ sơ thiết kế điều chỉnh về PCCC số 1984/TD-PCCC&CNCH ngày 31/12/2024, văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với hồ sơ điều chỉnh thiết kế số 1152/TD-PCCC ngày 12/8/2025 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an TP Hà Nội.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC số 02/ĐĐNT/PCCC ngày 20/8/2025 của Công ty Cổ phần Thương mại Tân Tiến Phát.

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Nguyễn Bá Vinh, Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 04/9/2025 của đại diện Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an TP Hà Nội chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình: Nhà máy sản xuất nước giải khát, với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Lô CN6, Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, xã Tây Phương, TP Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thương mại Tân Tiến Phát.

Đơn vị thi công: Công ty Cổ phần phát triển công nghiệp VSID, Công ty TNHH Cổ phần đầu tư xây lắp và thương mại dịch vụ An Bình.

Quy mô: Khu đất có tổng diện tích khoảng 14517 m², gồm các hạng mục công trình: Nhà xưởng sản xuất số 1 01 tầng, diện tích khoảng 3504 m², chiều



cao (tính đến diềm mái) 10,29 m; Nhà kho 01 tầng diện tích khoảng 4983 m², chiều cao (tính đến diềm mái) 10,29 m; Nhà bếp, nhà ăn, ở công nhân 02 tầng, diện tích khoảng 213 m², chiều cao (tính đến diềm mái) khoảng 7,7m và các hạng mục phụ trợ (nhà bảo vệ, phòng bơm, lò đốt...).

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Lối tiếp cận cho xe chữa cháy, khoảng cách PCCC, bậc chịu lửa, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, giải pháp ngăn cháy lan;

- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống chữa cháy tự động sprinkler, hệ thống họng nước chữa cháy vách tường, họng nhận nước từ xe chữa cháy, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, dụng cụ phá dỡ thông thường.

- Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan.

Các yêu cầu kèm theo:

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng, thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan.

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy đối với cơ sở theo quy định tại Điều 23 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024.

- Chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về chất lượng, tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu. Việc kiểm tra của cơ quan Công an không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ.

- Trong quá trình sử dụng có thay đổi công năng hoặc cải tạo làm thay đổi điều kiện an toàn về PCCC phải thực hiện thẩm định thiết kế về PCCC theo quy định tại khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 17 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024 và khoản 4 Điều 6, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Thiếu tướng Nguyễn Hồng Kỳ - PGĐ CATP;
- Đ/c Trưởng phòng;
- (để báo cáo)
- Đội CC và CNCH khu vực số 30;
- (để theo dõi)
- Lưu: PC07, Đ2_(Phiên).

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trung tá Nguyễn Tuấn Dương

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2018

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP
VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI**
Số: 12/.../HD-XLNT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường 2005; Luật Tài nguyên nước năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ giấy chứng nhận đầu tư số 01221000272 ngày 22/07/2008, thay đổi lần thứ nhất ngày 11/11/2009 do Ban quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất Thành phố Hà Nội cấp cho công ty cổ phần TM và DV Địa chất.
- Căn cứ yêu cầu đầu nối, cung cấp dịch vụ xử lý nước thải của Bên sử dụng dịch vụ và khả năng của Bên cung cấp dịch vụ:

Hôm nay, ngày 04 tháng 06 năm 2018, tại văn phòng công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Địa chất - KCN Thạch Thất - Quốc Oai, thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I - BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TÂN TIẾN PHÁT

Địa chỉ: Đội 7, xóm Me Táo, xã Dương Liễu, H. Hoài Đức, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0500475957

Điện thoại liên lạc: 02433.668.155

FAX: 02433.666.102

Đại diện bởi Ông (Bà) : Nguyễn Bá Vinh

Chức vụ: Giám đốc

II - BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐỊA CHẤT

Địa chỉ: Khu công nghiệp Thạch Thất — Quốc Oai — Hà Nội

Mã số thuế: 0500441429

Tài khoản số: 45210000123479

Tại ngân hàng : BIDV Thạch Thất — Hà Nội

Điện thoại liên lạc: 0433.943919 — 0912.216450

Đại diện Ông : Nguyễn Đình Thịnh

Chức vụ: Giám đốc công ty

Bên A là doanh nghiệp hoạt động trong KCN Thạch Thất - Quốc Oai, thành phố Hà Nội có mong muốn được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải;

Bên B là Công ty được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam với đầy đủ tư cách, năng lực trong lĩnh vực xử lý nước thải, sẵn sàng cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải và các dịch vụ liên quan theo yêu cầu của Bên A.

Các Bên đã hiểu rõ các quy định của pháp luật và quy định của UBND thành phố Hà Nội về công tác Bảo vệ môi trường tại KCN Thạch Thất - Quốc Oai và cam kết chấp hành, thực hiện nghiêm túc.

Sau khi thoả thuận, Bên A và Bên B thống nhất ký và thực hiện Hợp đồng Cung cấp và Sử dụng Dịch vụ xử lý nước thải (XLNT) tại KCN Thạch Thất - Quốc Oai với các điều khoản và điều kiện cụ thể dưới đây:

ĐIỀU 1. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG:

1.1 Đối tượng của Hợp đồng: Bên B nhận cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải do Bên A xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Thạch Thất - Quốc Oai. Bên B đảm bảo nước thải sau khi xử lý đạt yêu cầu cho phép của pháp luật hiện hành và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án KCN Thạch Thất - Quốc Oai.

1.2 Phạm vi thực hiện: Hoạt động cung cấp dịch vụ XLNT và xả nước thải của các Bên được giới hạn trong KCN Thạch Thất - Quốc Oai.

ĐIỀU 2. ĐIỂM ĐẦU NÓI NƯỚC THẢI VÀ QUY ĐỊNH VỀ ĐẦU NÓI:

2.1 Điểm đầu nối nước thải từ hệ thống thu gom XLNT của Bên A vào hệ thống thu gom, XLNT của KCN là vị trí hố ga (do đơn vị XLNT chỉ định) mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên A được nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.

2.2 Điểm đầu nối do Bên B chỉ định theo thiết kế kỹ thuật của hệ thống để đảm bảo hệ thống vận hành an toàn và thuận tiện cho việc giám sát, lấy mẫu nước thải khi cần thiết.

2.3 Việc đầu nối nước thải của Bên A vào hệ thống chung của KCN phải được Bên B và Chủ đầu tư Khu công nghiệp giám sát thực hiện và được lập thành biên bản với chữ ký xác nhận bởi đại diện có thẩm quyền của các bên. Trường hợp Bên A tự đầu nối không thông báo cho Bên B hoặc không có Biên bản đầu nối thì Bên A phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với mọi hậu quả liên quan đến việc đầu nối.

ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA BÊN A XẢ VÀO HỆ THỐNG THU GOM, XLNT CỦA BÊN B:

3.1 Khối lượng nước thải: Khối lượng nước thải thu phí được tính bằng 80% khối lượng nước sạch mà Bên A sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất. Trong

trường hợp bên A nhận thấy cách tính như trên không thuận tiện cho việc đo đếm khách quan thì Bên A phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải. Mọi chi phí lắp đặt đồng hồ đo nước thải, do bên A chịu, và trước khi lắp đặt đồng hồ, bên A phải xuất trình được giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đồng hồ. Bên B chỉ chấp nhận đồng hồ khi đồng hồ đó được kiểm định tại Viện đo lường Việt nam — Thuộc tổng cục tiêu chuẩn đo lường Việt Nam.

- 3.2 Chất lượng nước thải: Chất lượng nước thải của Bên A xả vào hệ thống XLNT tập trung của KCN được bên A đăng ký là loại B theo quy chuẩn QCVN 40:2011 (chi tiết trong phụ lục số 01 kèm theo Hợp đồng này);

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A:

- 4.1 Được sử dụng dịch vụ thu gom, XLNT của Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.
- 4.2 Thanh toán kịp thời, đầy đủ các chi phí sử dụng dịch vụ theo qui định tại Điều 6 của Hợp đồng này;
- 4.3 Thông báo ngay cho Bên B bằng văn bản trong các trường hợp: phát sinh tăng lượng nước thải quá 125% mức xả thải trung bình/ngày, thay đổi chất lượng nước thải, thay đổi công nghệ sản xuất, tăng công suất nhà máy...
- 4.4 Cung cấp cho Bên B sơ đồ hệ thống thoát nước (gồm cả nước mưa và nước thải) trong nội bộ Nhà máy của Bên A để Bên B kiểm tra, giám sát; xây dựng tách biệt giữa hệ thống thoát nước mưa với nước thải và không cho Bên thứ 3 đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Bên A.
- 4.5 Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN Thạch Thất - Quốc Oai về công tác Bảo vệ môi trường, việc đấu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải chung, sử dụng hạ tầng KCN và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B:

- 5.1 Kinh doanh dịch vụ thu gom, XLNT theo quy định của pháp luật.
- 5.2 Bảo đảm khả năng đáp ứng nhu cầu XLNT của Bên A, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng dịch vụ XLNT cho Bên A;
- 5.3 Đảm bảo chất lượng dịch vụ XLNT theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án KCN Thạch Thất - Quốc Oai.
- 5.4 Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về công tác Bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom, XLNT.
- 5.5 Yêu cầu Bên A thanh toán Phí xử lý nước thải và chấp hành đúng các quy định của

pháp luật về bảo vệ môi trường, thu gom và xử lý nước thải tại KCN Thạch Thất - Quốc Oai.

- 5.6 Khi nghỉ ngơi Bên A xả nước thải vượt quá tiêu chuẩn cho phép, Bên B có quyền lấy mẫu nước thải của Bên A tại bất kỳ thời điểm nào, thời gian nào để xác định chính xác chất lượng nước thải của Bên A. Việc lấy mẫu nước thải phải được lập thành biên bản, có chữ ký xác nhận của các bên.
- 5.7 Tạm dừng cung cấp dịch vụ XLNT khi hệ thống XLNT tập trung có sự cố phải khắc phục sửa chữa, khi sửa chữa khắc phục xong thì cung cấp dịch vụ XLNT trở lại bình thường. Khi hệ thống XLNT của KCN (bên B) vi phạm pháp luật hoặc bị đình chỉ thì bên B phải đảm bảo cho hoạt động sản xuất của bên A không bị đình trệ và bên B bồi thường cho bên A các thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc vi phạm của bên B gây ra với điều kiện bên A xả thải theo đúng mức đăng ký với bên B.

ĐIỀU 6: GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG XẢ THẢI:

6.1 Để tạo điều kiện cho bên B giám sát chất lượng nước thải của bên A thải ra, bên A có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi, cử cán bộ kỹ thuật phối hợp với cán bộ kỹ thuật của bên B trong quá trình bên B tiến hành lấy mẫu nước thải.

6.2 Tần suất lấy mẫu: mỗi tuần 01 lần.

Ngoài ra, Trong trường hợp khi bên B đi kiểm tra đột xuất, nhận thấy nước thải mà bên A thải ra có sự nghi vấn, thì số lần lấy mẫu trong một tuần không bị hạn chế.

6.3 Vị trí lấy mẫu: tại điểm xả của bên A.

6.4 Mỗi lần lấy mẫu, bên B có trách nhiệm lập biên bản lấy mẫu, trên đó có chữ ký của cán bộ bên A.

6.5 Trong trường hợp đặc biệt, nếu cán bộ của bên A không hợp tác trong quá trình lấy mẫu, bên B có quyền mời cán bộ quản lý của khu công nghiệp Thạch Thất — Quốc Oai — Hà Nội cùng giám sát quá trình lấy mẫu. Khi đó, mẫu thử có chữ ký của đại diện ban quản lý khu công nghiệp sẽ là mẫu thử có giá trị pháp lý.

6.6 Mẫu nước thải sẽ được bên B gửi xét nghiệm tại viện hoá học, hoặc viện hoá môi trường tại viện hàn lâm khoa học việt Nam.

6.7 Chi phí xét nghiệm được phân bổ như sau:

+ Nếu kết quả phân tích đúng như chất lượng mà bên A đã đăng ký, thì toàn bộ chi phí phân tích sẽ do bên B chịu.

+ Nếu kết quả phân tích không đúng như chất lượng mà bên A đã đăng ký, thì toàn bộ chi phí phân tích sẽ do bên A chịu. Chi phí cho mỗi lần phân tích dự kiến là 3.000.000 đ

6.8 Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, bên A không được vi phạm chất lượng nước xả thải vào hệ thống thu gom như đã đăng ký quá 3 lần. Nếu bên A cố tình vi phạm, thì

từ lần vi phạm thứ 4 trở đi, bên B có quyền chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ này.

6.9 Khi Bên A xả nước thải vào hệ thống thu gom của KCN có chất lượng vượt mức đăng ký, Bên A phải ngừng ngay việc xả thải vào hệ thống đường ống thu gom của khu công nghiệp. Đến khi nào bên A xử lý khắc phục xong sự cố, có kết quả xét nghiệm chứng minh rằng, nước thải thải ra đã đạt tiêu chuẩn như đã đăng ký, khi đó bên A mới được phép xả vào hệ thống thu gom của khu công nghiệp.

Khi vi phạm chất lượng xả thải, nếu bên A không chịu khắc phục, vẫn cố tình cho chảy vào hệ thống đường ống thu gom của khu công nghiệp, khi đó bên B sẽ áp dụng ngừng cung cấp tất cả các dịch vụ, hàng hoá cung cấp cho bên A. Bên B chỉ nối lại các dịch vụ khi bên A đã khắc phục xong sự cố.

ĐIỀU 7. PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

7.1 Phí dịch vụ:

- Khối lượng nước thải để tính phí được tính tại điều 3 của hợp đồng này.
- Trong suốt thời hạn của Hợp đồng này, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B phí dịch vụ hàng tháng được tính như sau:

Phí dịch vụ = Đơn giá x Khối lượng nước thải mà Bên B xử lý hàng tháng.

+ Đơn giá 9.600đ/m3: (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT 10%) **Áp dụng đối với nước thải có nồng độ ô nhiễm tương đương mức B của QCVN 40:2011 (Đúng như chất lượng nước thải ra mà bên A đã đăng ký xả thải)**

- Đơn giá dịch vụ XLNT có thể được điều chỉnh theo giá cả thị trường (điện, nước, hoá chất, tiền lương nhân công, phí BVMT...). Khi điều chỉnh đơn giá, bên B sẽ thông báo trước cho bên A trong thời hạn 15 ngày.

7.2 Phương thức thanh toán

7.2.1 Hàng tháng, từ ngày 23 đến ngày 25, trên cơ sở biên bản chốt lượng nước sạch mà bên A sử dụng hàng tháng, hai bên cử cán bộ tính toán (Trường hợp bên A không lắp đặt đồng hồ đo nước thải), hoặc chốt chỉ số đo đồng hồ nước thải (trường hợp bên A lắp đặt đồng hồ), hai bên tiến hành lập biên bản xác nhận lượng nước thải thực tế mà bên A xả vào hệ thống thu gom của bên B.

7.2.2 Bên A có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ cho Bên B trong vòng bảy mươi (70) ngày kể từ ngày nhận được thông báo thanh toán và xuất hóa đơn hàng tháng của Bên B, vào tài khoản của Bên B.

7.2.3 Nếu quá thời hạn trên mà Bên A vẫn chưa thanh toán thì Bên B sẽ tạm ngưng cung cấp dịch vụ XLNT đối với bên A ; đồng thời sẽ ngừng cung cấp nước sạch cho đến khi Bên A thanh toán đầy đủ phí sử dụng dịch vụ XLNT theo thông báo (Trừ trường hợp hệ

thống chuyển tiền của ngân hàng bị lỗi mà bên A đưa ra được giấy tờ chứng minh không phải lỗi do bên A thì bên B không được phép ngừng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải và dịch vụ cung cấp nước sạch cho bên A);

ĐIỀU 8. CÁC TRƯỜNG HỢP NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM, XLNT:

8.1 Khi Bên A vi phạm khoản mục 6.9, điều 6 của hợp đồng này, mà cố tình không chịu khắc phục, vẫn tiếp tục xả thải nước thải không đảm bảo chất lượng đã đăng ký vào hệ thống đường ống thu gom của khu công nghiệp, khi đó bên B có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng này.

8.2 Dịch vụ XLNT chỉ được cung cấp trở lại khi Bên A đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

8.3 Khi tiến hành các công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, Nhà máy XLNT và/hoặc bảo hành, bảo dưỡng hệ thống XLNT (gồm cả hệ thống thu gom và Nhà máy XLNT), Bên B sẽ có văn bản thông báo cho Bên A biết lý do, thời gian tiến hành và sẽ có biện pháp thích hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động xấu gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên A và ô nhiễm môi trường.

ĐIỀU 9. THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 1/6/2019 đến ngày 31/5/2029. Hết thời hạn này hai bên cùng bàn bạc thống nhất ký kết hợp đồng tiếp theo.

ĐIỀU 10. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

10.1 Hợp đồng này có thể được các Bên sửa đổi/bổ sung bằng văn bản. Việc sửa đổi/bổ sung sẽ được tiến hành theo hình thức Hợp đồng sửa đổi/bổ sung hoặc phụ lục của Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng này;

10.2 Hợp đồng này sẽ hết hiệu lực trong những trường hợp sau:

- (i) Hết thời hạn của Hợp đồng mà không được gia hạn; hoặc
- (ii) Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng này.

ĐIỀU 11. BẢO MẬT:

Tất cả các phương tiện, thông tin, tài liệu và Hợp đồng giữa Bên A và Bên B được coi như là quyền sở hữu tự nhiên và được các Bên giữ hoàn toàn bí mật trừ khi được chấp thuận bằng văn bản của Bên kia cho phép công bố hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 12. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

12.1 Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác giữa các Bên. Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết thông qua hòa giải, một trong hai bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án thành phố Hà Nội để giải quyết tranh chấp theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

12.2 Mọi tranh chấp phát sinh mà hai bên không tự giải quyết được, trước khi đưa ra toà án, hai bên sẽ thống nhất mời ban quản lý khu công nghiệp đến giải quyết. Kết luận của ban quản lý khu công nghiệp được hai bên nghiêm túc tuân thủ trên nguyên tắc cao nhất.

ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

13.1 Theo yêu cầu của bên A, hợp đồng này có thể được dịch ra một thứ tiếng nước khác. Việc dịch ra tiếng nước khác do bên A tự dịch. Nếu có sự hiểu khác nhau về ý nghĩa của các điều khoản ghi trong bản hợp đồng tiếng Việt và bản hợp đồng tiếng nước khác, hai bên nhất trí lấy bản hợp đồng tiếng Việt làm cơ sở gốc để tra cứu.

13.2 Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều qui định trong Hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

13.3 Hợp đồng được lập thành bốn (4) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ hai (2) bản gốc làm cơ sở thực hiện.

13.4 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày các bên ký, đóng dấu xác lập.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Bá Vinh



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Linh